



KIỂM TOÁN

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

VÌ NỀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA
MINH BẠCH, BỀN VỮNG!

Điện thoại: (024) 6262 8616, số máy lẻ: 1316 - Fax: (024) 6282 0708
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn - Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn

NĂM THỨ TÁM
Số **33/2019 (371)**
THỨ NĂM
NGÀY 15-8-2019

PHIÊN HỌP THỨ 36 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI KHÓA XIV: Tiến hành chất vấn 15 tư lệnh ngành

Ngày 12/8, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) khóa XIV đã tiến hành khai mạc Phiên họp thứ 36 dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân, nhằm xem xét, cho ý kiến về một số nội dung theo thẩm quyền (ảnh bên). Theo chương trình, Phiên họp sẽ diễn ra đến ngày 16/8.

Tại Phiên họp, UBTVQH tiến hành xem xét, cho ý kiến về 5 dự án luật và 1 Dự thảo Nghị quyết là: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN; Luật Chứng khoán (sửa đổi); Bộ luật Lao động (sửa đổi); Luật Lực lượng dự bị động viên; Luật Thư viện và Nghị quyết của Quốc hội về miễn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và khai thác tài nguyên nước. Đồng thời, UBTVQH đã xem xét, thông qua Dự thảo Nghị quyết giải thích một số điều của Luật Quy hoạch và cho ý kiến về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2019 (vốn ngoài nước) cho 2 tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình.

Tại phiên họp chiều 13/8, UBTVQH đã tiến hành giám sát Chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước (Xem tiếp trang 7)



Ảnh: TTXVN

Qua kết quả kiểm toán

KIỂM TOÁN CÔNG TÁC HOÀN THUẾ GTGT NĂM 2017:

Kiến nghị khắc phục những bất cập về chính sách, pháp luật



(Xem tiếp trang 8)

Chuyện trong tuần

Đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng

□ TS. NGUYỄN MINH PHONG - Chuyên gia Kinh tế

Nghị quyết số 42/2017/QH14 (Nghị quyết 42) về thi điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (TCTD) được Quốc hội ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý thống nhất và đồng bộ về xử lý nợ xấu;

tháo gỡ được phần nào khó khăn, vướng mắc của các TCTD trong việc xử lý nợ xấu và triển khai thành công Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” (Quyết định 1058).

Cùng với sự vào cuộc của các ngành, các cấp, chỉ đạo quyết liệt của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và nỗ lực của từng TCTD, đến nay, nợ xấu của hệ thống các TCTD đã bước đầu được xử lý và đạt được một số kết quả quan trọng: Lũy kế đến ngày 30/6/2019, toàn hệ thống (Xem tiếp trang 6)

Cho ý kiến về Kế hoạch kiểm toán năm 2020

2

Tiếp thu, hoàn thiện Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN



3

Cần hoàn thiện pháp luật quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách



4

KTNN hiện đại hóa công tác quản lý văn bản, hồ sơ công việc



6

Cuộc chiến không của riêng ai

10

Hoàn thiện cơ chế, mở lối cho chuyển dịch đất đai hiệu quả

11

Duy trì mức điểm chuẩn cao, các trường đầy khó cho thí sinh

14

Bộ Giáo dục Philippines chịu chi trích nặng nề từ phát hiện kiểm toán



15

Theo dòng thời sự

□ Ngày 13/8, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì cuộc họp của Thường trực Chính phủ về vấn đề phân bổ 10.000 tỷ đồng vốn đầu tư công và tín dụng để đầu tư tuyến cao tốc Hữu nghị - Chi Lăng và Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng).

□ Sáng 14/8, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo T.Ư Tổng kết Nghị quyết số 24-NQ/TW và Chỉ thị số 45-CT/TW về công tác dân tộc tổ chức Hội nghị góp ý kiến vào các dự thảo văn bản tổng kết 15 thực hiện. Đồng chí Trương Thị Mai - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng Ban Dân vận T.Ư, Trưởng Ban Chỉ đạo - chủ trì Hội nghị.

□ Kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 12/8, tại Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Báo Nhân dân tổ chức Tọa đàm khoa học với chủ đề "50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng".

4 nhóm giải pháp nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ

Thủ tướng Chính phủ vừa ký Quyết định số 999/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ. Đề án đặt mục tiêu đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các DN kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mô hình kinh tế chia sẻ; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và phát triển nền kinh tế số.

Quan điểm của Đề án là ủng hộ và thích ứng với xu thế phát triển mới của mô hình kinh tế chia sẻ. Công tác quản lý nhà nước cần đảm bảo cho các hoạt động kinh tế hợp pháp phát triển, trong đó có các hoạt động kinh tế chia sẻ; thay đổi tư duy và cách thức quản lý nhà nước cho phù hợp với xu thế phát triển của kinh tế số và Cách mạng công nghiệp 4.0; nâng cao nhận thức và năng lực của DN, địa phương và người dân về mô hình kinh tế chia sẻ. Cần tạo lập một môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các DN hoạt động kinh tế chia sẻ và DN kinh doanh truyền thống, giữa DN trong nước và DN nước ngoài; Nhà nước khuyến khích, ưu tiên tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo của DN cung cấp nền tảng; hỗ trợ các DN công nghệ trong nước phát triển tạo lập các nền tảng số, chuyên đổi số, số hóa ở cấp độ DN và toàn bộ nền kinh tế...

Đề án nêu 4 nhóm giải pháp quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ, gồm: nhóm các giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của người sử dụng dịch vụ trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp thực hiện quyền và trách nhiệm của DN công nghệ/DN cung cấp nền tảng trong kinh tế chia sẻ; nhóm giải pháp đối với Nhà nước nhằm xây dựng và phát triển hệ sinh thái cho kinh doanh, đầu tư theo mô hình kinh tế chia sẻ. ■

THÙY ANH

TIN VĂN

□ **Mới đây, Tổng Kiểm toán Nhà nước đã ký Quyết định số 1431/QĐ-KTNN về việc ban hành Tài liệu bồi dưỡng kiểm toán công nghệ thông tin.**

□ Ngày 12 và 13/8, tại Nhà Quốc hội, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước Vũ Văn Hòa đã tham dự Phiên họp thứ 36 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2019 (vốn ngoài nước) cho 2 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình và giám sát Chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN giai đoạn 2013-2018".

□ Vừa qua, Đoàn đại biểu KTNN Việt Nam đã tham dự Cuộc họp lần thứ 19 của Nhóm công tác về Kiểm toán môi trường của Tổ chức quốc tế Các cơ quan Kiểm toán tối cao (INTOSAI WGEA). ■

HOÀNG LONG

Cho ý kiến về Kế hoạch kiểm toán năm 2020



Sáng 14/8, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã chủ trì Cuộc họp cho ý kiến về Kế hoạch kiểm toán (KHKT) năm 2020 của KTNN. Tham dự Cuộc họp có các Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước: Đoàn Xuân Tiên, Vũ Văn Hòa, Đặng Thế Vinh, Nguyễn Tuấn Anh cùng lãnh đạo các đơn vị có liên quan trực thuộc KTNN (ảnh trên).

Báo cáo tại Cuộc họp cho biết, Dự kiến KHKT năm 2020 được Vụ Tổng hợp kiểm tra, rà soát và thẩm định từ dự kiến KHKT năm 2020 của 8 KTNN chuyên ngành và 13 KTNN

khâu vực. Theo đó, Dự kiến KHKT năm 2020 do các đơn vị xây dựng gồm 196 chủ đề, đầu mỗi được kiểm toán (tăng 6 chủ đề, đầu mỗi so với KHKT năm 2019).

Nhìn chung, các đơn vị đã bám sát các quy định hiện hành về lập, thẩm định và ban hành KHKT năm của KTNN và chỉ đạo của Tổng Kiểm toán Nhà nước tại Công văn số 739/KTNN-TH ngày 14/6/2019. Các chủ đề, đầu mỗi và đơn vị dự kiến cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực hiện có của đơn vị.

Tuy nhiên, kết quả rà soát cho thấy

vẫn còn những hạn chế như một số cuộc kiểm toán chuyên đề không mang tính bao trùm, phạm vi kiểm toán nhỏ lẻ, không xác định giai đoạn được kiểm toán hoặc xác định chi thực hiện trong 1 năm (niên độ 2019) nên hiệu quả kiểm toán sẽ không cao nếu thực hiện. Bên cạnh đó, một số cuộc kiểm toán chương trình, dự án lại có phạm vi rất rộng (khắp cả nước) và đa nguồn vốn (gồm cả ngân sách T.Ư và ngân sách địa phương) nên dễ xảy ra tình trạng cùng một địa bàn có nhiều đoàn kiểm toán...

Từ thực tế trên, Vụ Tổng hợp đề xuất cắt giảm 30% số lượng các cuộc kiểm toán so với KHKT giao lần đầu năm 2019 (tương đương giảm 1 đợt kiểm toán của mỗi đơn vị) để tập trung nâng cao chất lượng kiểm toán; đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho kiểm toán viên; đẩy mạnh các loại hình kiểm toán mới cho phù hợp với thông lệ quốc tế và thực hiện tốt vai trò Chủ tịch ASOSAI nhiệm kỳ 2018-2021 của KTNN...

Tại Cuộc họp, các đại biểu đã tập trung thảo luận một số vấn đề như: cắt giảm các chủ đề, đầu mỗi kiểm toán;

(Xem tiếp trang 8)

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán

Bây tháng của năm 2019, hoạt động kiểm toán của KTNN đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó, thời hạn kiểm toán, số lượng và chất lượng các cuộc kiểm toán về cơ bản đảm bảo theo đúng kế hoạch, yêu cầu đề ra. Đóng góp vào kết quả này có vai trò rất lớn của hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán (KSCLKT).

Theo báo cáo của KTNN, tính đến hết tháng 7, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán đã thực hiện 4 cuộc KSCLKT đột xuất, kiểm soát trực tiếp đối với 3 cuộc kiểm toán, kiểm soát đối với Kiểm toán trưởng tại 2 đơn vị. Kết quả KSCLKT cho thấy, việc KSCLKT tại các đơn vị đã đi vào nề nếp và ngày càng chất lượng hơn; chế độ báo cáo định kỳ được duy trì, phản ánh kịp thời kết quả kiểm toán, qua đó, lãnh đạo KTNN,

thủ trưởng đơn vị đã chỉ đạo các đoàn, tổ kiểm toán thực hiện theo đúng mục tiêu, trọng tâm kiểm toán, gắn trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, trưởng đoàn kiểm toán với chất lượng, tiến độ lập và phát hành báo cáo kiểm toán. Một số đoàn kiểm toán có kết quả kiểm soát chất lượng tốt, như Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018 tại các tỉnh: Hà Tĩnh, An Giang, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bình Dương. Qua kiểm toán, KTNN cũng đưa ra nhiều kiến nghị quan trọng nhằm chấn chỉnh những thiếu sót, bất cập đối với việc thực hiện cơ chế tự chủ trong các trường đại học công lập; thực hiện hợp đồng BT (xây dựng - chuyển giao), BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao); quản lý thuế xuất nhập khẩu; công tác quản lý tài nguyên khoáng sản...

Thực hiện kế hoạch công tác đã được Tổng Kiểm toán Nhà nước phê duyệt, từ nay đến cuối năm, Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán tiếp tục triển khai KSCLKT năm 2019 theo kế hoạch, tăng cường các cuộc kiểm soát đột xuất; tham mưu thực hiện công tác chính sách, chế độ và KSCLKT.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị giao ban trực tuyến toàn Ngành tháng 8/2019 vừa qua, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã yêu cầu các đơn vị cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tránh rủi ro trong hoạt động kiểm toán; đặc biệt, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KSCLKT theo kế hoạch được duyệt, trong đó có kiểm soát đột xuất tại các đơn vị. ■

NGUYỄN LỘC

Nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án BOT, BT qua công tác kiểm toán

Ngày 13/8, tại trụ sở KTNN, Hội đồng khoa học của KTNN đã nghiệm thu Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Cơ sở "Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT qua công tác kiểm toán của KTNN" do ThS. Phạm Thế Phong và Kỹ sư Hoàng Đức Việt (KTNN chuyên ngành IV) đồng chủ nhiệm.

Theo Ban Chủ nhiệm Đề tài, những năm qua, KTNN đã thực hiện kiểm toán các dự án hạ tầng giao thông vận tải (GTVT) theo hình thức hợp đồng BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), BT (xây dựng

- chuyển giao). Kết quả kiểm toán chỉ ra nhiều hạn chế trong công tác quản lý và thực hiện dự án theo 2 hình thức hợp đồng này tại các ban quản lý dự án (Bộ GTVT) như: thiếu chặt chẽ, chưa toàn diện, lãng phí, thất thoát vốn, hiệu quả đầu tư thấp... Do đó, Đề tài được lựa chọn với mong muốn góp phần giải quyết các bất cập, hạn chế này.

Theo đánh giá của Hội đồng, Đề tài đã đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước, góp phần khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm

quyền đối với hoạt động đầu tư dự án theo hình thức BOT, BT. Tuy nhiên, đề Đề tài có giá trị khoa học và tính thuyết phục cao hơn, Ban Chủ nhiệm Đề tài cần đầu tư, phân tích, kiến nghị thêm với Chính phủ, các ngành và địa phương một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý dự án BOT, BT, trong đó có đề xuất xây dựng và ban hành Luật về PPP thay cho Nghị định như hiện nay. Ngoài ra, các giải pháp đề xuất cần cụ thể và gắn với kết quả đánh giá thực trạng, nguyên nhân và hạn chế.

Đề tài được Hội đồng xếp loại: Khá. ■
LÊ HÒA

Lấy kế hoạch kiểm toán làm chuẩn để giải quyết chồng chéo

Tại Phiên họp, quy định để tránh chồng chéo giữa hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán là một trong những nội dung còn có ý kiến khác nhau, được đưa ra xin ý kiến UBTVQH để tiếp thu, hoàn thiện. Đây cũng là vấn đề nhận được nhiều ý kiến quan tâm, thảo luận.

Theo Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc, tại điểm c, khoản 1, Điều 16 Luật Thanh tra quy định Tổng Thanh tra Chính phủ có nhiệm vụ chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các thanh tra Bộ; giữa thanh tra Bộ với thanh tra tỉnh. Vì vậy, KTNN sẽ chủ trì, phối hợp với Thanh tra Chính phủ khi lập Kế hoạch kiểm toán sau khi trao đổi với thanh tra ngành và thanh tra tỉnh. Đồng thời, khi có chồng chéo thì Tổng Kiểm toán Nhà nước sẽ phối hợp với Tổng Thanh tra Chính phủ để giải quyết.

Theo Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách Nguyễn Đức Hải, việc tránh chồng chéo giữa thanh tra, kiểm tra, kiểm toán là vấn đề trọng tâm đặt ra yêu cầu sửa Luật KTNN nêu rõ trong Nghị quyết số 18-NQ/TW. Đồng thời hiện nay, việc chồng chéo giữa thanh tra các cấp và KTNN vẫn diễn ra, chưa khắc phục được. Các quy định trong Dự thảo Luật còn chung chung, chưa giải quyết được vấn đề thực tiễn đặt ra, nhất là để khắc phục tình trạng chồng chéo giữa KTNN với thanh tra chuyên ngành của các Bộ và thanh tra địa phương. Vì vậy, Dự thảo Luật cần quy định rõ nguyên tắc phối hợp để tránh chồng chéo trong lập kế hoạch; nguyên tắc, cách thức xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm toán và kế thừa kết quả của nhau giữa KTNN và thanh tra các cấp.

Cho ý kiến về vấn đề này, Phó Chủ tịch Quốc hội Tòng Thị Phóng nêu quan điểm, hiện nay, Thanh tra Chính phủ và KTNN đang phối hợp rất tốt. Tuy nhiên, về thẩm quyền, nếu xảy ra chồng chéo thì ai là người điều hòa giữa hai bên? Theo Phó Chủ tịch Quốc hội, đây là thẩm quyền của Quốc hội. Do đó cần quy định phù hợp trong Luật để đảm bảo hai bên có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phó Chủ tịch Quốc hội Ưng Chu Lưu thì nhấn mạnh: Muốn không chồng chéo thì trước hết trong Luật KTNN phải minh định thật rõ ràng, cụ thể cái gì KTNN phải làm. Còn trong thực tế, khi có sự chồng chéo thì phải có cơ chế để giải quyết. Trước hết, Tổng Kiểm toán Nhà nước và Tổng Thanh tra Chính phủ

Tiếp thu, hoàn thiện Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước

□ N. HỒNG

Sáng ngày 12/8, ngay sau khai mạc Phiên họp thứ 36, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã cho ý kiến về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau của Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN. Với tinh thần bám sát quy định của Hiến pháp, đồng thời tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn hoạt động của KTNN, tại Phiên họp, các thành viên UBTVQH đã thảo luận, làm rõ và thống nhất nhiều nội dung còn những ý kiến khác nhau trong Dự thảo Luật.



Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc làm rõ một số vấn đề liên quan đến Dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KTNN
Ảnh: TTXVN

phải ngồi lại với nhau bằng quy chế phối hợp để giải quyết. Trong trường hợp hai bên không thống nhất được thì báo cáo Chính phủ, báo cáo UBTVQH giải quyết.

Đặc biệt, Phó Chủ tịch Quốc hội nêu rõ, kế hoạch kiểm toán hằng năm đã được báo cáo UBTVQH và Quốc hội quyết định. “Vì vậy, cái gì nằm trong kế hoạch kiểm toán đã được UBTVQH, Quốc hội cho ý kiến thì thanh tra phải tránh ra. Cách tiếp cận và xử lý như vậy sẽ tránh được chồng chéo” - Phó Chủ tịch Quốc hội Ưng Chu Lưu nói.

Quan điểm của Phó Chủ tịch Ưng Chu Lưu nhận được sự đồng tình của nhiều thành viên UBTVQH. Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Lê Thị Nga đề nghị, cần lấy kế hoạch kiểm toán đã được Quốc hội thông qua để làm chuẩn. Theo đó, các cơ quan khác phải căn cứ vào quyết định của Quốc hội để phối hợp tránh nội dung KTNN đã làm. Còn nếu hai cơ quan không thống nhất được thì UBTVQH sẽ chủ trì xử lý.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân nhấn mạnh, hằng năm, kế hoạch kiểm toán được Quốc hội cho ý kiến, thông qua và trước khi trình lên kế hoạch

này, KTNN đã trao đổi với các cơ quan liên quan. Vì vậy, khi Quốc hội đã thông qua và ra Nghị quyết thì đó là cơ sở pháp lý rất quan trọng, các cơ quan khác phải tránh danh mục mà KTNN đã làm. Trong quá trình thực hiện có phát sinh vấn đề thì hai bên phải có cơ chế phối hợp. Luật phải quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm phối hợp.

Liên quan đến quy định bổ sung trong Dự thảo Luật về đề nghị sửa nhiệm vụ KTNN “thực hiện kiểm toán theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ” chuyển thành “xem xét, quyết định việc kiểm toán khi có đề nghị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”, Chủ tịch Quốc hội nêu quan điểm: Việc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu KTNN thực hiện kiểm toán trong một số trường hợp là nhu cầu chính đáng và thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, cơ chế như thế nào cần phải quy định trong Luật để tránh quá nhiều chỉ đạo ngoài kế hoạch kiểm toán; đồng thời đảm bảo thống nhất, tránh mâu thuẫn với Nghị quyết của Quốc hội “KTNN trước hết phải bám sát Nghị quyết của Quốc hội để thực hiện nhiệm vụ hằng năm” - Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh.

Cần kiểm toán đối tượng có liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

Một nội dung khác được nhiều thành viên UBTVQH cho ý kiến tại Phiên họp là quy định về cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán.

Trước một số ý kiến cho rằng không nên mở rộng đối tượng kiểm toán, phát biểu tại Phiên họp, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc nêu rõ: Nguyên tắc là ở đâu có tài chính công, tài sản công thì ở đó phải được kiểm toán. Vì vậy, trường hợp quy định rõ đối tượng liên quan không phải là mở rộng đối tượng kiểm toán và KTNN cũng không đặt vấn đề mở rộng đối tượng. Còn tổ chức có liên quan đến hoạt động kiểm toán thì phải đảm bảo điều kiện, đó là đơn vị, cá nhân có sử dụng tài chính, tài sản công và KTNN chỉ kiểm tra, đối chiếu với tổ chức có liên quan đó khi kiểm toán cơ quan nhà nước mà có liên quan đến hoạt động của họ. “KTNN mong muốn quy định rõ tổ chức có liên quan trong Luật để KTNN làm theo Luật. Còn quy định chung chung như hiện nay thì rất khó cho KTNN” - Tổng Kiểm toán Nhà nước nói.

Tán thành quan điểm của Tổng Kiểm toán Nhà nước, tại Phiên họp, Phó Chủ tịch Quốc hội Ưng Chu Lưu khẳng định, nếu cơ quan, tổ chức không phải là cơ quan nhà nước nhưng có sử dụng tài chính công, tài sản công thì KTNN có thể vào kiểm toán là đúng quy định của Hiến pháp và đúng trách nhiệm của KTNN.

Nhấn mạnh việc sửa Luật KTNN cần bám sát quy định trong Hiến pháp, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân đề nghị, đối tượng kiểm toán của KTNN là việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công thì bất cứ ai có sử dụng tài chính, tài sản công là phải kiểm toán. Tuy nhiên, cần quy định rõ phạm vi, đối tượng liên quan để tránh lạm dụng việc kiểm toán quá nhiều đối tượng.

Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Lê Thị Nga cũng thống nhất quan điểm cần quy định rõ về cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm toán nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động kiểm toán. Tuy nhiên, bà Nga đề nghị cần nhắc quy định về quyền và nghĩa vụ của đối tượng có liên quan, không thể ngang bằng với đối tượng kiểm toán chính.

Cũng tại Phiên họp, qua thảo luận về việc bổ sung các nội dung liên quan đến Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Giám định tư pháp trong Dự thảo Luật, đa số ý kiến trong UBTVQH thống nhất bổ sung thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quyền xử phạt vi phạm hành chính của KTNN. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Dự án Luật KTNN chỉ quy định về thẩm quyền mang tính nguyên tắc, còn các nội dung chi tiết thì do Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định. Riêng giám định tư pháp thì do phạm vi rộng, khối lượng lớn, cần lực lượng đông vì vậy thực hiện theo Luật Giám định tư pháp nên chưa đưa vào Luật sửa đổi, bổ sung đợt này.

Ý kiến của UBTVQH tại Phiên họp là căn cứ, định hướng quan trọng để cơ quan thanh tra và cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Dự án Luật trước khi trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 8. ■

Phụ thuộc vào NSNN, hiệu quả hoạt động chưa cao

Báo cáo kết quả giám sát, Chủ nhiệm Ủy Ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội Nguyễn Đức Hải - Trưởng Đoàn giám sát - cho biết, hiện cả nước có 48 quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (QTCNNS). Trong giai đoạn vừa qua, việc thành lập và hoạt động của các quỹ cơ bản đáp ứng các yêu cầu đề ra, góp phần thúc đẩy xã hội hóa, huy động thêm nguồn lực tài chính trong xã hội thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm bớt gánh nặng cho NSNN.

Tuy nhiên, Báo cáo giám sát cũng nêu ra nhiều hạn chế trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các QTCNNS. Cụ thể là, chưa có các cơ quan ở T.Ư và địa phương được giao nhiệm vụ thống nhất quản lý các QTCNNS; nguồn tài chính hình thành các quỹ này còn nhiều bất cập, chưa đảm bảo hoạt động độc lập với ngân sách. Nguồn thu của một số QTCNNS còn phụ thuộc vào NSNN trong khi các nguồn thu khác không đáng kể. Bên cạnh đó, quy định về tỷ lệ thu ở một số quỹ chưa hợp lý; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các quỹ này còn trùng lặp, hiệu quả hoạt động chưa cao.

Đặc biệt, dư nguồn tại nhiều quỹ ở T.Ư và địa phương còn lớn

Cần hoàn thiện pháp luật quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

□ Đ. KHOA

Với nhiều hạn chế được chỉ ra qua giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018”, tại Phiên giám sát chiều 13/8, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) thống nhất với kiến nghị của Đoàn giám sát về việc cần nghiên cứu, ban hành một văn bản pháp luật để thống nhất quản lý các quỹ này.



Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính - Ngân sách Nguyễn Đức Hải

Ảnh: chinhphu.vn

do hoạt động chưa hiệu quả hoặc chưa đúng với chức năng nhiệm vụ, gây lãng phí nguồn lực tài chính rất lớn. Trong khi đó, chi phí quản lý chưa hợp lý so với hoạt động của quỹ. Đồng thời, việc thành lập quá nhiều quỹ theo quy định của các luật

chuyên ngành, các nghị định của Chính phủ và của địa phương làm phân tán nguồn lực, tăng chi phí quản lý và phát sinh thêm tổ chức, bộ máy, biên chế.

Đồng tình với những đánh giá của Đoàn giám sát, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế Vũ Hồng

Thanh cho rằng, mục đích thành lập các QTCNNS này là dùng vốn ngân sách làm “vốn môi”, từ đó huy động các nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, theo báo cáo của Đoàn giám sát, việc huy động, thu hút các nguồn lực này rất hạn chế. Trong khi đó, công tác chi còn nhiều bất cập. Một số quỹ có các nội dung chi thực hiện nhiệm vụ không hợp lý, quá chú trọng vào các mục chi cho hoạt động truyền thông, quảng cáo, tổ chức bộ máy... Có quỹ chi không hết còn gửi các ngân hàng thương mại. Vì vậy, cần chấn chỉnh tình trạng này.

Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại Nguyễn Văn Giàu dẫn chứng: Theo Báo cáo giám sát, tổng kết trong 5 năm, KTNN đã kiểm toán 13 cuộc về các QTCNNS tại Bộ, ngành T.Ư và 3 cuộc ở địa phương. Với 16 cuộc kiểm toán mà phát hiện sai phạm lên tới hơn 1.700 tỷ đồng là một tỷ lệ rất lớn.

Hệ thống pháp luật phức tạp, thiếu thống nhất

Theo đánh giá của Đoàn giám sát cũng như ý kiến của nhiều thành viên UBTVQH, hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng QTCNNS là một trong những nguyên nhân dẫn đến những bất cập trên.

Qua giám sát cho thấy, hệ thống pháp luật về quản lý, sử dụng các QTCNNS khá phức tạp, chưa rõ ràng, chưa có một văn bản pháp luật để thống nhất quản lý các quỹ. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật về quản lý quỹ chậm được ban hành hoặc chậm được sửa đổi, không phù hợp với thực tiễn gây khó khăn trong việc quản lý, sử dụng ở một số quỹ. Hiện nay, chưa có một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa các quy định tại Luật NSNN năm 2015 nhằm điều chỉnh các nguyên tắc chung về QTCNNS. Quy định về khung pháp lý của một số quỹ chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ hoặc không còn phù hợp với các quy định hiện hành. Các quy định

Blockchain là công nghệ lưu trữ, truyền tải thông tin bằng các khối liên kết với nhau và mở rộng theo thời gian. Mỗi khối chứa đựng các thông tin về thời gian khởi tạo và được liên kết với các khối trước đó. Công nghệ này đang được đánh giá là một trong những phát kiến mang tính đột phá, có tác động mạnh mẽ nhất trong thời gian gần đây. Giữa bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ, Blockchain ngày càng được xem là công nghệ có tiềm năng ứng dụng lớn trên thế giới cũng như tại Việt Nam.

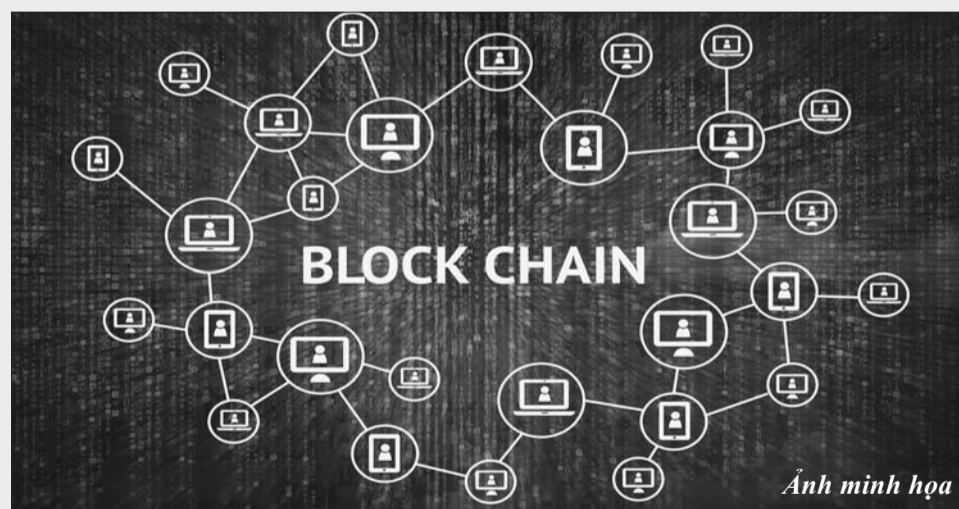
Công nghệ Blockchain ứng dụng đa lĩnh vực

Theo các chuyên gia, Blockchain được thiết kế để chống lại sự thay đổi dữ liệu. Thông tin trong Blockchain không thể bị thay đổi và chỉ được bổ sung thêm khi có sự đồng thuận của tất cả các nút trong hệ thống. Ngay cả khi một phần của hệ thống Blockchain đổ, những máy tính và nút khác sẽ tiếp tục hoạt động để bảo vệ thông tin. Đặc biệt, Blockchain có khả năng truyền tải dữ liệu mà không đòi hỏi trung gian để xác nhận thông tin. Hệ thống Blockchain bao gồm nhiều nút độc lập có khả năng xác thực thông tin.

Phát biểu tại Hội thảo “Blockchain: Tương lai khả thi cho quản lý tài chính”, TS. Chris Berg - Đại học RMIT Australia - cho biết, với đặc tính bảo mật không thể tẩy xóa, Blockchain sẽ được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như: công nghệ tài chính, ngân hàng, công nghiệp sản xuất, dịch vụ, chuỗi cung ứng, giáo dục và đặc biệt là còn được ứng dụng trong các cơ

Blockchain - tương lai khả thi cho quản lý tài chính

□ THUY LÊ



Ảnh minh họa

quan chính phủ để quản lý dữ liệu về dân cư, phương tiện giao thông...

Đối với lĩnh vực tài chính ngân hàng, Blockchain cho phép quản lý dữ liệu, bảo vệ, quản lý tiền tệ, tài sản và đảm bảo an toàn trong giao dịch. Các lợi ích thuật toán phức tạp, bảo mật cao, cho phép vô hiệu hóa việc can thiệp sửa đổi dữ liệu, giúp làm giảm phần lớn khả năng xảy ra sai sót khi đối chiếu các thông tin phức tạp từ nhiều nguồn khác nhau. Công nghệ này đang được đẩy mạnh ứng dụng trong giao dịch liên ngân hàng, giúp đảm bảo an toàn ở mức cao hơn so với phương thức giao dịch truyền thống.

Đối với lĩnh vực vận chuyển hàng hóa, bằng công nghệ này, một người nhập có thể chia sẻ thông tin cho nhiều đơn vị trong cùng một mạng lưới được xây dựng. Chẳng hạn, khi hàng hóa được chuyển từ hải quan Mỹ đến hải quan Việt Nam, hàng hóa chuyển đến đâu thì tất cả những thành viên tham gia mạng Blockchain đều có thể theo dõi tình trạng hàng hóa và biết cụ thể thời gian đến. Còn trong lĩnh vực bán lẻ hay nông nghiệp, Blockchain sẽ phục vụ hiệu quả cho việc truy xuất nguồn gốc để biết rõ các sản phẩm, hàng hóa được nhập khẩu, sản xuất từ đâu...

Bản chất của Blockchain là công nghệ sổ cái phân tán, khắc phục cơ chế tổ chức

thông tin dựa trên một cơ quan quản lý tập trung bằng cơ chế chia sẻ dọc theo một hệ thống. Vì vậy, công nghệ này có thể giúp các quốc gia, chính phủ thực hiện hoạt động điều phối kinh tế một cách trơn tru; chia sẻ thông tin nhanh chóng, thuận tiện; loại bỏ yêu cầu sử dụng của một tổ chức trung gian - bên thứ 3; góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán; giảm chi phí giao dịch, trong đó có chi phí niềm tin được định giá là sẽ giúp cho thế giới giảm 20.000 tỷ USD hàng năm nếu áp dụng Blockchain.

Hạ tầng cơ sở kinh tế mới này có khả năng bao quát toàn bộ giao dịch của toàn hệ thống kinh tế như: tiền điện tử, tiền, các quy định, hợp đồng, trao đổi, dịch vụ, quản trị, tổ chức, bảo mật, hợp đồng thông minh, trong đó các mã được lưu trữ trong hệ thống Blockchain tự động điều hành tại thời gian nhất định khi phát sinh các điều khoản và điều kiện mới...

“Blockchain là một trong những động lực của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Blockchain cũng là nền tảng để ứng dụng trí tuệ nhân tạo, các công nghệ tự động hóa, dữ liệu lớn” - đại diện Đại học RMIT đánh giá.

Doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu quan tâm đến Blockchain

Theo TS. Chris Berg, thực tế công nghệ Blockchain vẫn có một số điểm yếu như: quá trình xác thực chậm, chi phí giao dịch đắt đỏ, cần nhiều thời gian để tạo nên quy mô, trải nghiệm tiêu dùng chưa tích cực. Đó là chưa kể đến việc hiện nay cũng có rất nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu tốt và đơn giản, niềm tin đối với các bên thứ ba cũng

của pháp luật về nguồn tài chính hình thành các quỹ cũng rất phức tạp, thiếu thống nhất...

Theo Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp Lê Thị Nga, Luật NSNN năm 2015 có định nghĩa về QTCNNS là do cơ quan có thẩm quyền thành lập, độc lập với NSNN, nguồn thu và nhiệm vụ chi thực hiện theo quy định của pháp luật. "Quy định này chỉ rõ ở một điểm là "độc lập với NSNN" còn những vấn đề điều chỉnh quỹ vẫn rất chung chung, không rõ thẩm quyền. Vẫn còn thiếu hành lang pháp lý về QTCNNS" - bà Nga phân tích.

Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân cho rằng, cơ sở pháp lý thành lập các quỹ rất khác nhau. Có quỹ được thành lập theo Luật, có quỹ hình thành do Nghị định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thậm chí có quỹ được thành lập do Thông tư của Bộ hoặc quy chế của một hiệp hội, liên hiệp hội... Báo cáo giám sát đã thống kê có tới hơn 100 văn bản cho phép thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các quỹ này. "Điều đó cho thấy hệ thống pháp luật về hình thành, quản lý, sử dụng các QTCNNS phức tạp, chưa thống nhất, thiếu minh bạch, không phù hợp với yêu cầu quản lý thực tiễn" - Chủ tịch Quốc hội nhấn mạnh đồng thời đề nghị phải chấn chỉnh tình trạng này, phải có một cơ sở pháp lý thống nhất, rõ ràng về thẩm quyền thành lập quỹ.

Tán thành với nhiều kiến nghị của Đoàn giám sát, qua các ý kiến thảo luận tại Phiên giám sát, UBTVQH thống nhất ban hành Nghị quyết đề tăng cường quản lý các quỹ cũng như đề xuất hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý các quỹ. Nội dung Nghị quyết giao Chính phủ trên cơ sở Báo cáo kết quả giám sát, ý kiến của UBTVQH rà soát, đánh giá tác động, hiệu quả của từng quỹ và trình Quốc hội rà soát sắp xếp, tổ chức lại các quỹ thuộc thẩm quyền của Quốc hội; kiên quyết loại bỏ quỹ không hoạt động hoặc hoạt động kém hiệu quả, không cần thiết; không thành lập mới các quỹ. Đồng thời, UBTVQH giao Chính phủ nghiên cứu xây dựng luật (nếu cần thiết) để thống nhất quản lý các quỹ; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các quỹ; xử lý nghiêm các sai phạm; xây dựng cơ chế bảo đảm quản lý quỹ hiệu quả, chặt chẽ và tiến tới giảm dần sự hỗ trợ của NSNN. ■

không quá thấp. Tuy nhiên, những hạn chế nêu trên chỉ là một vài lỗi nhỏ sớm được giải quyết trong tương lai gần, bởi Blockchain chỉ mới có 10 năm tuổi.

Blockchain là một cơ hội lớn để Việt Nam có thể thử nghiệm các mô hình phát triển, tạo bước đại nhảy vọt và học hỏi từ các quốc gia khác đã áp dụng. Tất nhiên, để thực hiện được việc này, Việt Nam cần đưa ra cơ chế thông thoáng cho DN khai thác và áp dụng công nghệ thử nghiệm. Đồng thời, Chính phủ cũng cần sẵn sàng tiếp nhận công nghệ với phương thức quản lý tập trung mới. Việt Nam không cần thiết đầu tư vào việc phát triển Blockchain mà có thể áp dụng ngay công nghệ này vào quá trình quản lý tài chính, làm thay đổi hoàn toàn hệ thống thanh toán của Việt Nam - TS. Chris Berg nhận định.

Thực tế cho thấy, các DN tại Việt Nam đang dành mối quan tâm khá lớn đến công nghệ Blockchain ở cấp độ tối ưu hóa chuỗi cung ứng, như: ứng dụng để theo dõi luồng hàng xuất - nhập, giao dịch thương mại quốc tế... Cụ thể như gần đây nhất, Việt Nam đã có giao dịch tín dụng thư (L/C) đầu tiên trên nền tảng Blockchain, đó là giao dịch giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Nhựa Duy Tân của Việt Nam và Công ty INEOS Styrolution Korea của Hàn Quốc. Từ đầu đến cuối, giao dịch được tiến hành trên một ứng dụng chia sẻ duy nhất thay vì trên nhiều hệ thống khác nhau với thời gian giao dịch chỉ mất 24 giờ, hiệu quả vận hành tăng cao và mức độ minh bạch cũng như độ an toàn lớn hơn. Đồng thời, nhu cầu đối chiếu giấy tờ không còn nữa vì tất cả các bên được kết nối trên cùng một nền tảng duy nhất, với thông tin luôn được cập nhật tức thời. Ví dụ trên chỉ là một trong hàng loạt những bước tiến chứng minh tính tối ưu và lợi ích to lớn mà DN nhận được thông qua công nghệ Blockchain.

Các chuyên gia cho biết, Blockchain được thiết kế cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau, theo từng ngành, lĩnh vực. Bên cạnh đó, công nghệ này còn sở hữu tính năng ngăn ngừa an ninh mạng, bảo đảm khâu quản lý cốt lõi, phòng tránh hoạt động của hacker. Nếu không kịp thời áp dụng công nghệ Blockchain, DN Việt Nam sẽ gặp khó khăn khi muốn tiến xa hơn trên con đường hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. ■

Chuyển đổi số tác động quan trọng tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

□ PGS, TS. VŨ MINH KHƯƠNG - Đại học Quốc gia Singapore

Chuyển đổi số là một công cuộc nâng cấp toàn diện không chỉ năng lực sản xuất kinh doanh mà cả chiến lược thích ứng với đổi thay của thời đại để tăng sức cạnh tranh và phát triển của DN cả trong trước mắt và lâu dài. Các DN thường bắt tay vào công cuộc chuyển đổi số theo 5 hướng chủ đạo: số hóa sản phẩm và dịch vụ; số hóa tiếp thị và kênh phân phối; số hóa hệ sinh thái; số hóa quy trình sản xuất và số hóa chuỗi cung ứng.

Từ khảo sát trên 2.000 DN toàn cầu, Công ty Tư vấn McKinsey đưa ra ước tính, với nỗ lực chuyển đổi toàn diện, một DN điển hình có thể tăng doanh số thêm 11,2%; lợi nhuận trước thuế và lãi lên 7,3%.

Dựa trên ước tính của McKinsey về tác động của chuyển đổi số tới kết quả kinh doanh, ta có thể xây dựng 3 kịch bản về tác động của chuyển đổi số tới hiệu quả kinh doanh của 500 DN lớn nhất Việt Nam (VNR500). Kịch bản 1 là nỗ lực chuyển đổi số của VNR500 ở mức như hiện nay, đạt khoảng 10% yêu cầu so với mức đáp ứng toàn diện. Kịch bản 2 là nỗ lực chuyển đổi số của VNR500 ở mức cao hơn hẳn hiện nay, đạt khoảng 20% yêu cầu so với mức đáp ứng toàn diện. Kịch bản 3 là nỗ lực chuyển đổi số của VNR500 chuyển biến vượt bậc, đạt khoảng 50% yêu cầu so với mức đáp ứng toàn diện.

Theo đó, ước tính được đưa ra là với nỗ lực vượt bậc (Kịch bản 3), VNR500 sẽ tăng doanh thu thêm 5,6% và lợi nhuận 3,65%, nhờ đó đóng góp vào tăng trưởng GDP 1,3 điểm phần trăm với giá trị là 3,16 tỷ USD. Điều cần nhấn mạnh là ước tính này giả định các DN chưa đầu tư gì thêm, do vậy, nếu chuyển đổi số đi cùng các nỗ lực đầu tư phát triển khác sẽ còn tạo ra hiệu quả lớn hơn nhiều.

Có thể nói, nâng tầm tư duy chiến lược có vai trò rất lớn và ý nghĩa quyết định đến giá trị mang lại của công cuộc chuyển đổi số. Do đó, lãnh đạo mỗi DN cần nhận thức thấu đáo về xu thế phát triển và nâng cấp toàn diện tư duy chiến lược trong 7 nội dung.

Thứ nhất, xác định rõ tầm nhìn và định vị chiến lược cho DN trong hành trình phát triển phía trước. Sức cạnh tranh và phát triển của một DN phụ thuộc không chỉ vào nguồn lực hiện có mà quan trọng hơn, đó là tầm nhìn và định vị chiến lược của công ty. Sức mạnh này có thể tăng lên gấp bội và bền vững hơn nhiều nếu tầm nhìn có sức thôi thúc cao và định vị chiến lược thể hiện sự kết hợp thông tuệ giữa năng lực cốt lõi với xu thế thời đại.

Thứ hai, kiến tạo giá trị cần là mục tiêu cốt lõi và tiêu chí chủ đạo. Giá trị mà DN đem lại từ mỗi nỗ lực phát triển của mình được kiến tạo từ việc nâng cao hiệu quả vận hành, nâng cấp hiệu lực chiến lược và thúc đẩy hiệu ứng cộng



Nâng tầm tư duy chiến lược có vai trò rất lớn đối với công cuộc chuyển đổi số của các DN
Ảnh: TTXVN

hưởng. Nâng cao hiệu quả vận hành tăng lợi nhuận và giảm giá thành. Nâng cấp hiệu lực chiến lược gia cường sức cạnh tranh hiện tại và tương lai, đặc biệt trong đầu tư vào nền tảng phát triển lâu dài. Thúc đẩy hiệu ứng cộng hưởng làm sâu sắc mức độ gắn kết với khách hàng đối tác và cộng đồng xã hội. Nỗ lực này không chỉ tạo ra giá trị hữu hình mà cả giá trị vô hình, giúp DN có một vị thế xã hội được trân trọng và kỳ vọng hơn.

Thứ ba, hiểu rõ trở ngại chính yếu trong nỗ lực đi tới tầm nhìn chiến lược và phương cách vượt qua. Một DN dù đã thành công đến đâu cũng khó tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong lâu dài nếu không thấu hiểu thách thức chính yếu mà DN phải vượt qua trên hành trình phía trước. Hạn chế của nhiều DN có khát vọng lớn là ý vào nguồn lực và kinh nghiệm làm nên thành công trong quá khứ để nắm bắt cơ hội mới, trong khi xem nhẹ những thách thức họ sẽ phải đương đầu và vượt qua. Nâng tầm chiến lược đòi hỏi lãnh đạo DN cần coi thách thức là trung tâm để huy động sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực hiện có và thời cơ mới xuất hiện nhằm vượt qua thách thức. Cách tiếp cận này giúp DN đi đến tương lai một cách vững chắc và mạnh mẽ hơn.

Thứ tư, coi trọng học hỏi, tương tác và phát triển hệ sinh thái. Thành công lâu dài của một DN tùy thuộc rất nhiều vào năng lực và nỗ lực học hỏi của cả tổ chức. Hơn thế nữa, tăng mức độ tương tác và phát triển hệ sinh thái giúp DN thuận lợi hơn để vượt qua thách thức và nắm bắt cơ hội. Có 3 câu hỏi được đặt ra khi DN đứng trước một khó khăn nan giải là: Liệu có thể giải bài toán này bằng nỗ lực chuyển đổi số? Thế giới có bài học hay kinh nghiệm gì trong giải

quyết bài toán này? Đây là lời giải hay và vững bền nhất nếu cộng đồng DN cùng chính quyền địa phương và Chính phủ đồng lòng chung sức tìm phương kế?

Thứ năm, coi trọng tính minh bạch, sự trung thực và lòng tin của xã hội. Mỗi DN cần gìn giữ và nâng cao tính minh bạch, sự trung thực và lòng tin của xã hội với DN của mình. Những tài sản vô hình này về lâu dài có giá trị hơn mọi loại tài sản khác vì nếu để mất, DN sớm muộn cũng sa sút dù có nguồn lực và tài năng dồi dào đến đâu. Các DN Việt Nam cần coi đây là một lợi thế cạnh tranh đặc trưng cần được hết sức chăm lo, phát triển trong nỗ lực làm chủ thị trường nội địa cũng như thâm nhập thị trường khu vực và thế giới.

Thứ sáu, tránh các cạm bẫy chiến lược. Trong hơn 3 thập kỷ cải cách vừa qua, nhiều DN Việt Nam đã làm nên những kỳ tích phát triển đáng khâm phục. Những thành quả này sẽ trở thành nền tảng và động lực để các DN tiếp tục làm nên những kỳ tích mới, lớn lao hơn nếu vượt qua được 3 loại cạm bẫy chiến lược: cạm bẫy nguồn lực, cạm bẫy năng lực và cạm bẫy thế lực. Những cạm bẫy này được gọi là cạm bẫy chiến lược vì nếu mắc phải, DN sẽ kẹt vào các điểm "mù" chiến lược và trở nên thiếu sáng suốt, thậm chí mù quáng, trong các quyết định chiến lược.

Thứ bảy, cần có cách tiếp cận tổng hợp và toàn diện trong triển khai thực hiện. Để công cuộc chuyển đổi số thành công, DN cần nỗ lực tăng hệ số hiệu lực chuyển đổi số thông qua 2 phương thức chủ yếu là tăng mỗi thành tố trong 4 thành tố: áp lực, tầm nhìn, năng lực và điều kiện khuyến tạo; và giảm mỗi thành tố trong 2 thành tố: di sản cũ và tham nhũng. ■

Tối ưu hóa quản lý văn bản và điều hành

Ông Vũ Dương Phúc - Trưởng phòng Phát triển ứng dụng (Trung tâm Tin học, KTNN) - cho biết, Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc phiên bản nâng cấp được kế thừa và phát triển trên hệ thống quản lý văn bản cũ. Ưu điểm của phần mềm nâng cấp là nhằm nâng cao hiệu quả của các ứng dụng, tạo tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiện đại cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong môi trường mạng, tiến tới một "văn phòng không giấy tờ" của KTNN.

Từ năm 2016, Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc đã được KTNN xây dựng nhằm trợ giúp công tác quản lý và luân chuyển văn bản, hồ sơ, tài liệu trong nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị với nhau và văn bản hồ sơ tài liệu trình lãnh đạo KTNN của các đơn vị, giúp giảm tải văn bản giấy và cải cách thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trước yêu cầu nâng cao hiệu quả công việc thông qua môi trường mạng, hỗ trợ công tác quản lý văn bản, hồ sơ tài liệu, luân chuyển văn bản thuận tiện, nhanh chóng, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo sự thay đổi tích cực trong các quy trình xử lý tiến tới văn phòng điện tử không giấy tờ trong cơ quan KTNN, Phần mềm trên đã được nâng cấp trên cơ sở kế thừa hệ thống hiện có.

Theo bà Phạm Thị Thu Hà - Giám đốc Trung tâm Tin học, trong quá trình xây dựng Phần mềm, Trung tâm Tin học đã phối hợp chặt chẽ với Văn phòng KTNN để xác định yêu cầu nghiệp vụ, đồng thời xin ý kiến của các đơn vị trong quá trình đào tạo. Kết quả đạt được là Phần mềm đã cơ bản đáp ứng yêu

Kiểm toán Nhà nước hiện đại hóa công tác quản lý văn bản, hồ sơ công việc

□ NHÓM PHÓNG VIÊN

Thực hiện Quyết định số 1430/QĐ-KTNN ngày 09/8/2019 của Tổng Kiểm toán Nhà nước, từ ngày 12-16/8, tại Hà Nội, KTNN liên tục tổ chức các lớp hướng dẫn trực tuyến sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (phiên bản nâng cấp) và chữ ký số dành cho tất cả các đơn vị trực thuộc. Trung tâm Tin học của KTNN được giao làm đầu mối tổ chức, thực hiện các lớp tập huấn này.



Quang cảnh lớp tập huấn ngày 13/8

Ảnh: THANH XUYỀN

cầu quản lý và luân chuyển văn bản, quản lý công việc trong nội bộ KTNN và đã sẵn sàng đưa vào sử dụng chính thức trong toàn Ngành.

Cụ thể, việc nâng cấp Phần mềm đã đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Thông tư số 01/2019/TT-BNV quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn

thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của cơ quan, tổ chức.

Phát huy hiệu quả của những ứng dụng tiện ích

Đáng chú ý, với việc nâng cấp Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, một số chức năng mới đã được bổ sung, cải tiến như: tích hợp chữ ký số; tích hợp liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia; lịch công tác của lãnh đạo KTNN; lịch công tác nội bộ đơn vị; quản lý hồ sơ công việc; quản lý biểu mẫu văn bản; dự thảo văn bản - tờ trình; giao việc; báo cáo thống kê văn bản đi - văn bản đến và báo cáo tình hình xử lý, luân chuyển văn bản trong toàn Ngành, trong đơn vị... Phần mềm còn được thiết

kế để kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia, từ đó, các đơn vị của KTNN có thể gửi văn bản liên thông tới các cơ quan thuộc hệ thống hành chính của Nhà nước. Ngoài ra, Phần mềm còn được thiết kế để gia tăng khả năng ứng dụng trên các thiết bị di động cầm tay như smartphone... - ông Vũ Dương Phúc chia sẻ.

Nhấn mạnh ưu điểm Phần mềm Quản lý văn bản nâng cấp sẽ đáp ứng được việc sử dụng chữ ký số và để tiến tới thay thế cho chữ ký của lãnh đạo các đơn vị, bà Phạm Thị Thu Hà cho biết, đến nay, Trung tâm Tin học đã đăng ký 59 chữ ký số của các tổ chức (có con dấu) trực thuộc KTNN và 1.772 chữ ký số cá nhân; cung cấp cho mỗi cá nhân một thiết bị ký số ứng với thông tin cá nhân để sẵn sàng đưa vào áp dụng trên Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, cũng như các phần mềm khác có yêu cầu sử dụng chữ ký số trong tương lai. Cùng với đó, Trung tâm cũng đã xây dựng hướng dẫn sử dụng chữ ký số để sẵn sàng tích hợp vào Phần mềm và Dự thảo Quy chế cung cấp, quản lý, sử dụng chứng thư số KTNN.

Đề cập đến kế hoạch triển khai sử dụng Phần mềm Quản lý văn

bản và hồ sơ công việc, ông Vũ Dương Phúc cho biết, dự kiến từ ngày 19/8 tới, Phần mềm sẽ được chính thức đưa vào sử dụng. Do đó, các học viên cần nắm vững kiến thức được đào tạo, quy trình thao tác, xử lý để có thể bắt tay vào ứng dụng ngay một cách hiệu quả. Đồng thời, theo kế hoạch triển khai, việc áp dụng chữ ký số đối với Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc cũng sẽ được thử nghiệm đến tháng 10/2019.

Được biết, trong tháng 7 vừa qua, Trung tâm Tin học đã trình lãnh đạo KTNN ban hành Bộ cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của KTNN và Tiêu chuẩn định dạng dữ liệu kết nối của KTNN. Để đáp ứng yêu cầu về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, Trung tâm đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ triển khai các công việc cần thiết để kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia. Theo kinh nghiệm triển khai của một số Bộ, ngành, để kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia cần thời gian khoảng 3 - 4 tháng chuẩn bị kỹ thuật, đầu nối. Như vậy, dự kiến KTNN sẽ hoàn thành liên thông văn bản với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan hành chính khác trong hệ thống chính trị từ tháng 11/2019. ■

các TCTD đã xử lý được trên 263.510 tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42. Trong đó, 6 tháng đầu năm 2019 đã xử lý được 64.970 tỷ đồng. Xử lý nợ xấu nội bảng xác định theo Nghị quyết 42 chủ yếu thông qua hình thức khách hàng trả nợ.

Kết quả đạt được nêu trên là hội tụ những nỗ lực chủ quan từ phía NHNN và các TCTD, cơ quan chức năng liên quan, đặc biệt, nhờ các quy định của Nghị quyết 42 cho phép: Các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty TNHH một thành viên Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) được bán nợ xấu, tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ theo giá thị trường, kể cả việc bán nợ xấu với giá trị thấp hơn giá trị sổ sách của khoản nợ nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành. VAMC được mua các khoản nợ xấu sử dụng dự phòng rủi ro đang hạch toán ngoại bảng của TCTD và được chuyển đổi các khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua theo giá trị thị trường. TCTD, VAMC có quyền thu giữ TSBĐ đã ảnh hưởng đến ý thức tự nguyện trả nợ của khách hàng; VAMC được bán nợ cho các tổ chức, cá nhân không có chức năng kinh doanh mua bán nợ. Bên mua các khoản nợ có nguồn gốc từ hoạt động cấp tín dụng của TCTD được nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là TSBĐ của khoản nợ đã mua. TCTD được chuyển nhượng các

Đẩy mạnh công tác...

(Tiếp theo trang 1)

TSBĐ là dự án bất động sản khi đáp ứng các điều kiện chuyển nhượng dự án bất động sản phù hợp với đặc thù xử lý TSBĐ trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng. TSBĐ của người phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD, VAMC được bảo đảm không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, VAMC. Số tiền thu được từ xử lý TSBĐ được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho TCTD, VAMC... Có thể nói, ý thức trả nợ của khách hàng đã được cải thiện khi TCTD, VAMC có quyền thu giữ TSBĐ theo Nghị quyết 42. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy Nghị quyết 42 đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD.

Trong 2 năm qua, toàn ngành ngân hàng đã triển khai nghiêm túc, nỗ lực đẩy mạnh xử lý nợ xấu đúng mục tiêu, định hướng công tác xử lý nợ xấu và đạt được kết quả tích cực. Các TCTD đã nỗ lực xử lý nợ xấu, ý thức trả nợ của khách hàng được nâng lên, các hình thức xử lý nợ xấu được sử dụng đa dạng. Các quy định tại Nghị quyết 42 đã được TCTD, VAMC áp dụng có hiệu quả bước

đầu trên thực tế, đảm bảo các TCTD tiếp tục phát huy tốt vai trò là kênh dẫn vốn chủ đạo và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, còn nhiều việc cần làm để triển khai Nghị quyết 42 có hiệu lực và hiệu quả hơn; theo đó:

Các Bộ, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan cần tiếp tục tham mưu Thủ tướng Chính phủ có giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các TCTD liên quan đến thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý TSBĐ và việc nộp thuế khi chuyển nhượng TSBĐ.

NHNN Việt Nam và các cơ quan chức năng liên quan cần có văn bản hướng dẫn các văn phòng đăng ký đất đai về thành phần hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp TCTD thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42.

Bộ Tài chính cần bổ sung thêm trường hợp việc sang tên, đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản liên quan đến việc xử lý nợ xấu của TCTD vào trường hợp tạm thời chưa thu thuế, từ đó góp phần thúc đẩy và giải quyết khó khăn trong việc xử lý TSBĐ của các khoản nợ xấu. Bộ Tài nguyên và Môi trường cần sớm có văn bản hướng

dẫn cụ thể hướng dẫn các văn phòng đăng ký đất đai về thành phần hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong trường hợp TCTD thu giữ TSBĐ để xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Cơ quan thi hành án cần phối hợp nghiên cứu và sớm có văn bản chỉ đạo về việc hoàn trả các TSBĐ là vật chứng của vụ án hình sự sau khi đã hoàn tất các thủ tục xác minh chứng cứ quy định tại Nghị quyết 42.

Bộ Tư pháp tiếp tục chỉ đạo Tổng cục Thi hành án dân sự (THADS) rà soát lại những vụ việc thi hành án còn tồn đọng, liên quan đến xử lý TSBĐ thu hồi nợ, ưu tiên triển khai thực hiện để đảm bảo giá trị TSBĐ thu hồi lớn nhất; có văn bản chỉ đạo các cơ quan THADS ở địa phương cần tập trung và quyết liệt hơn nữa để giải quyết dứt điểm các vụ việc đang thi hành án.

UBND các cấp cần xem xét và có quy định chế tài giải quyết các vấn đề phát sinh nhằm đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội của chính quyền cấp huyện, xã và cơ quan công an nơi tiến hành thu giữ TSBĐ hỗ trợ tốt nhất trong quá trình TCTD tiến hành thu giữ TSBĐ tại địa phương. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền nhất là phát huy vai trò của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết 42... ■

Kiến thức - Kinh nghiệm

Một số điều lưu ý khi kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau cổ phần hóa

□ ThS. TRẦN PHƯƠNG THÙY - Học viện Ngân hàng

Những sai phạm thường gặp liên quan đến đất đai trước và sau cổ phần hóa

Điều 43, Luật Đất đai 2013 đã quy định về việc sử dụng đất đối với trường hợp mua, bán, chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần trong DN; CPH DNNN. Tiếp đó, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung Điều 43 của Luật Đất đai cũng quy định rõ việc quản lý, sử dụng đất khi CPH DN.

Cùng với đó, Bộ Tài chính cũng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng đất trong và sau CPH, cụ thể như: Thông tư số 127/2014/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị DN khi thực hiện chuyển đổi DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, có hiệu lực từ ngày 20/10/2014 và thay thế Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về việc chuyển DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Thông tư hướng dẫn cụ thể các quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, trong đó liên quan đến vấn đề quyền sử dụng đất được hướng dẫn tại khoản 9, Điều 18 của Thông tư...

Như vậy, rõ ràng chúng ta không thiếu các quy định pháp luật liên quan đến CPH DNNN, đặc biệt là về đất đai, thế nhưng sai phạm vẫn hiện hữu và gây bức xúc. Cụ thể như: xác định giá trị DN trước khi CPH không phù hợp dẫn tới tình trạng thất thoát tài sản nhà nước; không tính giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hằng năm vào giá trị DN; không tính giá trị lợi thế vị trí địa lý của đất thuê trả tiền hằng năm vào giá trị DN; không tính hoặc tính thiếu giá trị quyền sử dụng đất khi xác định giá trị DN để CPH.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất trong và sau quá trình cổ phần hoá (CPH) DNNN là vấn đề đặt ra từ nhiều năm nay. Dù hành lang pháp lý đã có quy định nhưng trong thực tế việc quản lý lĩnh vực trên vẫn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Trước tình hình đó, KTNN được Quốc hội giao nhiệm vụ kiểm toán việc sử dụng nguồn thu từ đất của các DNNN đã CPH. Bài viết xin đóng góp một số ý kiến liên quan đến những điểm cần lưu ý khi kiểm toán những nội dung này.



Qua kiểm toán, KTNN đã phát hiện nhiều sai phạm liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trong quá trình CPH
Ảnh: BÍCH NGỌC

Ngoài ra, việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi thay đổi quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất của DN sau CPH đối với những vị trí đặc địa, có giá trị thị trường cao còn bất cập, thiếu minh bạch, tạo cơ hội cho một số tổ chức, cá nhân có liên quan trục lợi, gây thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước.

Kiểm toán viên cần lưu ý những gì?

Đối với kiểm toán việc quản lý, sử dụng đất trong và sau CPH, KTNN cần thực hiện lồng ghép giữa kiểm toán tuân thủ (đánh giá tính hiệu lực và tuân thủ các quy định nhà nước trong và sau CPH về đất đai) và kiểm toán hoạt động (đánh giá hiệu

quả của việc quản lý, sử dụng đất trong và sau CPH DNNN).

KTNN cần tập trung vào quá trình CPH và xác định những trọng tâm liên quan tới việc quản lý và sử dụng đất đai:

Một là, việc xây dựng, phê duyệt phương án sử dụng đất của DN CPH khi xác định giá trị DN (mục đích sử dụng đất phù hợp với sắp xếp, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước theo quy định); *Hai là*, việc quản lý, sử dụng đất theo phương án đã được phê duyệt của DN sau khi CPH (thực hiện phương án sử dụng đất, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất ngoài phương án được duyệt, thu hồi đất vi phạm, đất không sử dụng...); *Ba là*, việc xác định giá đất và thực

hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách khi chuyển mục đích sử dụng đất.

Đối với loại hình kiểm toán tuân thủ, các kiểm toán viên cần nắm chắc các quy định và văn bản pháp lý có liên quan tới kiểm toán đất đai trong và sau CPH; tới việc xác định giá trị DN có liên quan đến quyền sử dụng đất; giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào giá trị DN một cách khách quan, có cơ sở, không nên xét đoán theo cảm quan của UBND các tỉnh, thành phố.

Đối với kiểm toán hoạt động, kiểm toán viên nhà nước cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp để đánh giá hiệu lực và hiệu quả của quá trình quản lý đất đai trong CPH. Bộ tiêu chí này cần

tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, các DNNN có xây dựng phương án sử dụng đất khi xác định giá trị DN phục vụ cho CPH hay không. Trong đó, KTNN cần xác định rõ ràng về các chức năng sẽ được thực hiện bởi các DNNN khi thực hiện CPH; các chức năng phù hợp với nguyên tắc cơ bản trong CPH; phân tích các nguồn lực hiện có trong giai đoạn xét duyệt phương án CPH; đánh giá rõ ràng các nguồn lực cần thiết để đáp ứng các hoạt động và mục tiêu trong tương lai của DNNN sau CPH.

Thứ hai, DNNN đã thực hiện xác định giá đất và nộp vào ngân sách với khoản chuyển đổi mục đích sử dụng hay chưa? Với nội dung này, KTNN cần xác định DNNN có thực hiện nộp vào NSNN phần giá trị tương ứng với phần đất chuyển đổi mục đích sử dụng khi CPH hay không; DNNN khi CPH đã giải quyết rõ ràng câu hỏi về các nhu cầu như: nhân sự, hướng dẫn và đào tạo, công nghệ thông tin...; DNNN gặp khó khăn gì khi giải quyết nhu cầu và các vấn đề phát sinh?

Thứ ba, KTNN cần xác nhận DN có thực hiện CPH sau khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và giám sát. Lúc này, Ủy ban Quản lý của Nhà nước về các DNNN có đảm bảo rằng các nhu cầu tiếp tục được giải quyết sau khi phân cấp? Ủy ban Quản lý của Nhà nước về quá trình CPH có đảm bảo rằng nguyên tắc cơ bản được tôn trọng trong CPH không?

Thứ tư, các DNNN đã giám sát đúng cách quá trình CPH tại các công ty con, hoặc các công ty bên dưới của tập đoàn (hội sở)? Ủy ban Quản lý của Nhà nước về quá trình CPH có đảm bảo rằng các nhu cầu của tập đoàn tiếp tục được giải quyết tại các công ty con/chi nhánh?

Thứ năm, KTNN cần đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai của DNNN có hiệu quả hay không, thông qua các tiêu chí như: các công cụ quản lý dự án được sử dụng để quản lý đất đai CPH có thích hợp và hiệu quả? Các bài học rút ra từ đợt CPH thứ nhất có được áp dụng cho đợt thứ hai và thứ ba? DN có ước tính rõ ràng và chính xác về chi phí CPH đất đai không? ■

ngoài ngân sách nhà nước giai đoạn 2013-2018". UBTVQH đánh giá, báo cáo của Đoàn giám sát đã cho thấy một bức tranh tổng thể với những thông tin khá đầy đủ, chi tiết về các quỹ tài chính nhà nước ngoài NSNN. Đây cũng là dịp tổng kết, đánh giá lại hệ thống chính sách, pháp luật hiện nay về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, từ đó có giải pháp để đưa hoạt động của các quỹ đi vào nền nếp.

Sáng 14/8, cho ý kiến về một số vấn đề còn ý kiến khác nhau của Dự án Bộ luật Lao động (sửa đổi), trên cơ sở báo cáo của cơ quan thẩm tra, các thành viên

Tiến hành...

UBTVQH đã tập trung thảo luận phân tích về các nội dung liên quan đến quy định về tăng tuổi nghỉ hưu; việc mở rộng khung thời giờ làm thêm tối đa; về tiền lương làm thêm giờ... UBTVQH yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo cần cân nhắc thấu đáo các quy định này; đồng thời tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân và người lao động về những tác động của Dự luật.

Một nội dung đáng chú ý tại Phiên họp này là UBTVQH sẽ dành cả ngày hôm

nay (15/8) để tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn về việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của UBTVQH về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2018. Theo chương trình phiên chất vấn, 15 tư lệnh ngành gồm Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Công an, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải và Ủy ban

(Tiếp theo trang 1)

Dân tộc; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Tổng Kiểm toán Nhà nước sẽ đăng đàn trả lời chất vấn tại Phiên họp. Cũng tại phiên chất vấn, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ sẽ làm rõ thêm một số vấn đề liên quan thuộc trách nhiệm của Chính phủ và trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Ngày 16/8, trước khi bế mạc Phiên họp, UBTVQH sẽ cho ý kiến về Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề "Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy giai đoạn 2014-2018". ■

N. HỒNG

**Chính sách và pháp luật
chưa đồng bộ**

Theo đánh giá của KTNN, công tác ban hành chính sách hoàn thuế GTGT còn chưa đồng bộ giữa Luật Thuế GTGT, các nghị định và thông tư hướng dẫn; một số văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng dẫn đến cách hiểu khác nhau, thậm chí còn có hướng dẫn chưa phù hợp quy định của pháp luật; một số văn bản trả lời người nộp thuế còn chung chung, chưa rõ và chưa cụ thể về những vấn đề người nộp thuế vướng mắc... Điều này đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác hoàn thuế của cơ quan thuế và người nộp thuế, làm giảm hiệu quả của chính sách thuế.

Nghị định số 100/2016/NĐ-CP (Nghị định số 100) không quy định rõ thời điểm người nộp thuế cung cấp giấy phép kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trong khi thực tế có những DN đang đầu tư thì không được cơ quan cấp giấy phép vì chưa hoàn thành cơ sở vật chất, điều kiện về phòng cháy chữa cháy..., đến khi dự án đầu tư đã hoàn thành, đủ điều kiện để được cấp giấy phép thì dự án đã đi vào hoạt động, do vậy không được hoàn thuế GTGT theo khoản 2, Điều 1 Nghị định số 100. Điều này chưa phù hợp với tình hình thực tế.

Tại Tiết a, Điều 3 Thông tư số 130/2016/TT-BTC (Thông tư số 130) nêu “Cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (...trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán hoặc cho thuê mà không hình thành tài sản cố định)”. Nhưng hiện nay, đối với các dự án BT (xây dựng - chuyển giao) không hình thành tài sản cố định nhưng vẫn được hoàn thuế GTGT và số đã hoàn thực hiện năm 2017 phát hiện qua kiểm toán là 306,8 tỷ đồng.

Thông tư số 130, tại điểm c.1, khoản 3, Điều 1 có quy định: “Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký theo quy định của pháp luật. Các hồ sơ đề nghị

Qua kết quả kiểm toán**KIỂM TOÁN CÔNG TÁC HOÀN THUẾ GTGT NĂM 2017:**

Kiến nghị khắc phục những bất cập về chính sách, pháp luật

□ ĐỨC HUY

Thực hiện kế hoạch kiểm toán, năm 2018, KTNN đã triển khai cuộc kiểm toán Chuyên đề Công tác quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) tại Tổng cục Thuế và 19 tỉnh, thành phố (đối với niên độ 2017). Cùng với những phát hiện, kiến nghị về xử lý tài chính, KTNN đã chỉ ra những bất cập, hạn chế giữa chính sách và quy định pháp luật về hoàn thuế GTGT và kiến nghị giải pháp khắc phục.



KTNN đã chỉ ra những bất cập, hạn chế giữa chính sách và quy định pháp luật về hoàn thuế GTGT
Ảnh: BÍCH NGỌC

Năm 2017, ngành thuế đã tiếp nhận để thực hiện xử lý 23.719 hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT (trong đó có 2.309 hồ sơ năm 2016 chuyển sang). Kết quả, cơ quan thuế đã ban hành 19.199 quyết định với số thuế GTGT được hoàn 100.125,5 tỷ đồng, bằng 106,5% so với năm 2016 và bằng 95,4% so với dự toán giao. Số hồ sơ phải chuyển sang năm 2018 tiếp tục giải quyết là 1.249 hồ sơ với số đề nghị hoàn là 8.849 tỷ đồng.■

hoàn thuế dự án đầu tư nộp từ ngày 01/7/2016 của cơ sở kinh doanh nhưng tính đến ngày nộp hồ sơ không góp đủ số vốn điều lệ như đăng ký theo quy định của pháp luật thì không được hoàn thuế”. Tuy nhiên, theo phân tích của KTNN, trong trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau, người nộp thuế khi nộp hồ sơ hoàn thuế có thể chưa góp đủ

vốn điều lệ, nhưng trước khi cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế, người nộp thuế đã góp đủ vốn điều lệ thì nên hoàn thuế cho người nộp thuế, như vậy mới khuyến khích người nộp thuế đầu tư vào sản xuất kinh doanh.

Tại điểm a, Điều 12 Thông tư số 99/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý thuế GTGT quy định: “Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau là hồ sơ thuộc một trong các trường hợp: Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu”, tuy nhiên chưa quy định trường hợp “Người nộp thuế đề nghị hoàn thuế lần đầu cho từng đối tượng hoàn”, điều này có thể sẽ dẫn đến rủi ro về hoàn thuế.

Điều 39, Điều 46 Luật Đầu tư năm 2014 có nêu nội dung về tiến độ thực hiện dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư lại không đề cập rõ việc hoàn thuế đối với trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn đầu tư.

Một số nội dung quy định chưa thống nhất

Kết quả kiểm toán cũng chỉ ra một số nội dung quy định giữa các văn bản luật, nghị định và thông tư còn chưa thống nhất.

Theo Luật số 106/2016/QH13, Nghị định số 100 chỉ quy định 2 trường hợp hoàn thuế GTGT là Cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư và Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có dự án đầu tư mới khác địa bàn tỉnh, thành phố đang hoạt động, song Thông tư số 130 lại quy định 3 trường hợp hoàn thuế đối với dự án đầu tư. Trong đó, thêm trường hợp là Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có dự án đầu tư cùng tỉnh, thành phố đang hoạt động, nhưng không phân biệt dự án đầu tư mới hay dự án đầu tư mở rộng, dẫn đến các dự án đầu tư mở rộng cũng được hoàn thuế GTGT.

Luật số 106/2016/QH13 không quy định về “Dự án chưa đi vào hoạt động”, song Nghị định số 100 và Thông tư số 130 có quy định trường hợp hoàn thuế đối với “Dự án chưa đi vào hoạt động”, dẫn đến một số dự án đã hoạt động, phát sinh doanh thu nhưng người nộp thuế xác định doanh thu phát sinh là doanh thu chạy thử để hoàn thuế cho dự án, trong khi Nghị định và Thông tư không quy định rõ việc chạy thử. Mặt khác, Nghị định và Thông tư chưa làm rõ quy định về dự án chưa đi vào hoạt động, gây khó khăn cho công tác phân loại và tổ chức hoàn thuế của cơ quan thuế.

Luật số 106/2016/QH13 không quy định đối với trường hợp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư phải có thời gian đầu tư (trên 1 năm), song Nghị định số 100 và Thông tư số 130 nêu “...nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm... Trường hợp, nếu số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT” nên ngành thuế vẫn cho hoàn đối với dự án có thời gian đầu tư dưới 1 năm nếu có số thuế GTGT lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên.

Qua kiểm toán, KTNN cũng đã phát hiện một số văn bản hướng dẫn chưa phù hợp với quy định pháp luật về hoàn thuế GTGT hiện hành.

Cụ thể, hướng dẫn tại điểm 1, mục III, Thông báo số 6294/TB-TCT ngày 23/11/2016 của Tổng cục Thuế về kết quả Hội nghị tập huấn và giải đáp thắc mắc, trong đó có trả lời về nội dung “Trường hợp kỳ đề nghị hoàn vừa chịu sự điều chỉnh của Thông tư 26, vừa chịu sự điều chỉnh của Thông tư 130 thì việc xác định số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng Thông tư số 130”. Như vậy, hướng dẫn trên không đúng hiệu lực thi hành của Thông tư số 130.

KTNN cũng đánh giá, hướng dẫn tại điểm 7, Công văn số 10492/BTC-TCT ngày 30/7/2015 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT quy định không hoàn thuế GTGT đối với “Doanh nghiệp kinh doanh đối với những hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng được điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư” là không phù hợp với khoản 7, Điều 1 của Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT quy định các trường hợp được hoàn thuế GTGT (không đề cập đối với những hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện). Mặt khác, tại khoản 3, Điều 1 Luật 106/2016/QH13 chỉ đề cập đến “Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế GTGT mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp: kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động”.

Qua kiểm toán, KTNN đã kiến nghị Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế trong thẩm quyền của mình sửa chữa, thay thế, hủy bỏ những quy định còn bất cập, bổ sung những hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn; đồng thời, rà soát trình Chính phủ điều chỉnh, bổ sung các quy định có liên quan trong công tác hoàn thuế còn chưa rõ ràng, hợp lý nhằm tạo sự thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.■

Cho ý kiến...

(Tiếp theo trang 2)

tránh trùng lặp, chồng chéo giữa các đơn vị trong Ngành cũng như các cơ quan thanh tra ngoài Ngành; chỉnh sửa, bổ sung các cuộc kiểm toán chuyên đề, kiểm toán hoạt động...

Phát biểu chỉ đạo tại Cuộc họp, Tổng Kiểm toán Nhà nước Hồ Đức Phớc đã cho ý kiến cụ thể về việc bổ sung, thay đổi các chủ đề kiểm toán cũng như chỉ định đơn vị chủ trì các cuộc kiểm toán; đồng thời yêu cầu cắt giảm bớt các cuộc kiểm toán ngân sách địa phương và tăng cường các cuộc kiểm toán chuyên đề, kiểm toán hoạt động, các loại hình mới như: kiểm toán môi trường, kiểm toán công nghệ thông tin...

Theo kế hoạch, trong tháng 9, KTNN sẽ gửi KHKT năm 2020 cho Ủy ban Tài chính - Ngân sách và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, Tổng Kiểm toán Nhà nước yêu cầu các đơn vị cần khẩn trương rà soát, lựa chọn lại các chủ đề, đầu mối kiểm toán và gửi lại cho Vụ Tổng hợp để tiếp tục hoàn chỉnh KHKT năm 2020.■

Tin và ảnh: HOÀNG LONG

Tiến tới việc thỏa thuận tiền lương theo cơ chế thị trường

Theo nhận định của các chuyên gia, trong bối cảnh nền kinh tế đang hướng đến sự cạnh tranh, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, việc thể hiện nguyên tắc này trong quan hệ lao động, giữa DN với NLĐ là vô cùng cần thiết. Tại nhiều hội nghị lấy ý kiến về Dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi (Dự thảo Luật) được tổ chức gần đây, vấn đề này cũng được đặt ra vô cùng bức thiết.

Trên thực tế, cơ chế thỏa thuận lương giữa DN và NLĐ đã được đặt ra từ lâu, song chưa thể thực hiện do vướng quy định cũng như chưa đạt được sự đồng thuận của các bên liên quan. Đơn cử, việc xác định tiền lương tối thiểu, mức sống tối thiểu vẫn chưa tạo được cách hiểu thống nhất, dẫn đến việc xác định căn cứ để trả lương cho phù hợp gặp nhiều khó khăn.

Do đó, Dự thảo Luật do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) chủ trì xây dựng cũng đã đưa vấn đề này vào nội dung của Luật, nhằm tiếp tục thể chế chính sách tiền lương theo cơ chế thị trường có sự định hướng của Nhà nước thông qua từng bước mở rộng và tạo quyền tự chủ thực cho DN và NLĐ trong trả lương. Cụ thể, DN sẽ chủ động xây dựng thang, bảng lương và định mức lao động làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động; thỏa thuận mức lương ghi trong hợp đồng lao động. Đồng thời, DN phải tham khảo ý kiến tổ chức của NLĐ tại cơ sở khi xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động và công bố công khai tại nơi làm việc.

Làm rõ hơn về vấn đề này trong Dự thảo Luật, ông Mai Đức

Vấn đề bạn đọc quan tâm

Doanh nghiệp cần nỗ lực để thích ứng với thị trường lao động cạnh tranh

□ PHỔ HIẾN

Trong bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực xây dựng thị trường lao động cạnh tranh, bình đẳng, các DN có thể được trao quyền nhiều hơn thông qua cơ chế thỏa thuận với người lao động (NLĐ) từ tiền lương đến làm thêm giờ... Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội thuận lợi, các DN cũng phải đối diện với nhiều thách thức khi tham gia vào thị trường lao động này.



Việc xác định mức lương tối thiểu vẫn chưa được thống nhất để xác định căn cứ trả lương cho người lao động
Ảnh: TTXVN

Thiện - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ LĐ-TB&XH - cho biết, nội dung về tiền lương sẽ đảm bảo thể chế hóa Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành T.Ư Đảng khóa XII về cải cách chính sách tiền lương. Trong đó, tiền lương của NLĐ được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa NLĐ và DN, theo cơ chế thị trường. "Mặc dù theo Dự thảo Luật, quy chế trả lương thuộc về quyền của DN, tuy nhiên, điều quan trọng là hai bên phải thương lượng với nhau để đạt được thỏa thuận" - ông Mai Đức

Thiện cho biết. Đại diện Vụ Pháp chế cũng nhấn mạnh, dù hai bên được thỏa thuận về mức chi trả nhưng Nhà nước vẫn quy định tiền lương tối thiểu để bảo vệ quyền lợi chính đáng của NLĐ và không để DN trả lương cho NLĐ thấp hơn mức lương tối thiểu. Mức lương này cũng phải đáp ứng khả năng chi trả của DN. Bởi, nếu mức lương tối thiểu, vượt quá khả năng chi trả của DN thì sẽ không tạo ra năng suất, khả năng cạnh tranh giữa các thị trường, giữa các DN thì đây là yếu tố cần cân nhắc.

Thách thức đến từ chính doanh nghiệp

Rõ ràng, mục tiêu hướng đến thị trường lao động cạnh tranh, bình đẳng của DN vừa là quyền lợi, vừa là trách nhiệm của chính DN. Tuy nhiên, việc thực hiện mục tiêu này, về phía DN cũng đang phải đối diện với nhiều thách thức, đặc biệt là khi Việt Nam vừa tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với nhiều tác động trực tiếp đến lĩnh vực lao động.

Theo Thứ trưởng Bộ LĐ-TB&XH Lê Quân, xây dựng quan hệ lao động bình đẳng, lành mạnh là một trong những yêu cầu và là cam kết của Việt Nam khi tham gia Hiệp định. Cụ thể, khi tham gia CPTPP, yêu cầu thương lượng trong quan hệ lao động là yêu cầu bắt buộc. Trong Dự thảo Luật, Bộ LĐ-TB&XH chủ trương mở rộng khung thỏa thuận giữa DN và NLĐ nhằm tăng sự linh hoạt trong sản xuất kinh doanh, giúp DN nâng cao năng lực cạnh tranh và NLĐ cũng được nâng cao thu nhập khi làm thêm giờ. Tuy nhiên, theo Thứ trưởng Lê Quân, nếu như việc chủ động xây dựng thang,

bảng lương là khả thi với DN thì việc mở rộng khung thỏa thuận với NLĐ sẽ khiến DN gặp khó khăn, ít nhất là về mặt chi phí, khi NLĐ có quyền đòi hỏi cao hơn để làm thêm giờ. Bởi, một trong những điều kiện bắt buộc để DN tiến hành làm thêm giờ, đó là phải được sự đồng ý của NLĐ.

Bên cạnh vấn đề thương lượng trong quan hệ lao động, một trong những thách thức mà DN phải đối diện, đó là xu hướng dịch chuyển lao động giữa các khu vực. Theo TS. Vũ Xuân Hùng - Vụ trưởng Vụ Đào tạo chính quy (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ LĐ-TB&XH), đặc trưng của các DN trong nước, đó là sử dụng lao động phổ thông giá rẻ, trình độ thấp. Trong bối cảnh hội nhập, đặc biệt là ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, các DN Việt sẽ khó cạnh tranh được với DN nước ngoài. "Ở đâu có điều kiện làm việc tốt hơn, lao động sẽ di chuyển sang đó. Đây là đặc trưng của thị trường lao động cạnh tranh mà DN cần biết và có sự chuẩn bị tốt ngay từ lúc này" - TS. Hùng lưu ý.

Mặt khác, trong khi các DN nước ngoài đến Việt Nam có xu hướng tham gia ngày càng sâu vào quá trình đào tạo lao động, thì DN trong nước dường như vẫn "giậm chân tại chỗ", không mặn mà với công tác này, vì ngại tốn kém, mất thời gian. Do đó, theo TS. Vũ Xuân Hùng, khi thị trường lao động ngày càng chuyên nghiệp, sức cạnh tranh cao hơn, nhưng DN Việt không thay đổi thói quen tuyển dụng, không có sự đầu tư cho lực lượng lao động thông qua đào tạo, thì quá trình tham gia vào thị trường lao động sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí là sẽ "thua trên sân nhà". ■

Deloitte công bố Khảo sát kinh doanh gia đình toàn cầu 2019


Mới đây, Deloitte đã công bố khảo sát kinh doanh gia đình toàn cầu 2019. Theo đó, các DN gia đình đang có xu hướng tập trung vào các mục tiêu dài hạn trong chiến lược kinh doanh. Tuy nhiên, để phát triển trong môi trường kinh doanh thay đổi nhanh chóng ngày nay, họ cũng cần phải có thêm những chiến lược ngắn hạn liên quan. Thông qua khảo sát, Deloitte đưa ra những gợi ý về sự cân bằng hợp lý giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn với 4 chủ đề chính: sở hữu, quản trị, kế nhiệm và chiến lược. ■

Kiểm toán nội bộ - Quy trình và thủ tục kiểm toán

Học viện APT vừa khai giảng Khóa học Kiểm toán nội bộ - Quy trình và thủ tục kiểm toán dành cho kiểm toán viên, ban kiểm soát nội bộ DN, phòng quản trị rủi ro... Khóa học được xây dựng với 3 chuyên đề: Thiết kế phòng kiểm toán nội bộ và các quy trình kiểm toán nội bộ; Kiểm toán nội bộ mảng tài chính; Thực hành kiểm toán nội bộ. ■

PwC hỗ trợ sinh viên trước khi bước vào các đợt tuyển dụng

Nhằm mục đích kết nối sinh viên đến gần hơn với nhà tuyển dụng, ngày 08/8, PwC Việt Nam và Khoa Kế toán - Kiểm toán (Đại học Kinh tế - Luật) đã phối hợp tổ chức Tọa đàm "CAREER TALK". Tại đây, các chuyên gia của PwC đã chia sẻ với các sinh viên về: tầm quan trọng của chuẩn mực kiểm toán quốc tế và lộ trình áp dụng ở Việt Nam trong 3 - 5 năm tới; các tiêu chí, quy trình tuyển dụng của PwC trong đợt thực tập năm 2019 và những điểm thay đổi cần lưu ý; những chuyên môn về kế toán - kiểm toán - thuế hoặc những thách thức về các vòng phỏng vấn. ■ **THÙY LÊ**



QUY ĐỊNH CHUẨN MỰC KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC SỐ 1550
KIỂM TOÁN CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN TRONG KIỂM TOÁN TÀI CHÍNH

(Tiếp theo kỳ trước)

(iii) Kiểm tra các giao dịch, thỏa thuận quan trọng với bên liên quan;

(iv) Tìm hiểu thông tin thích hợp, như thông qua Internet hoặc các cơ sở dữ liệu thông tin bên ngoài;

(v) Soát xét các báo cáo của nhân viên cung cấp thông tin sai phạm (nếu có).

21. Tuỳ thuộc vào kết quả của các thủ tục đánh giá rủi ro, kiểm toán viên nhà nước có thể cân nhắc chỉ cần thu thập bằng chứng kiểm toán mà không phải kiểm tra các kiểm soát của đơn vị đối với các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, kiểm toán viên nhà nước có thể không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nếu chỉ thực hiện các thủ tục kiểm toán cơ bản liên quan tới rủi ro có sai sót trọng yếu gắn với các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Trong trường hợp đó, kiểm toán viên nhà nước cần kiểm tra các kiểm soát của đơn vị đối với tính đầy đủ và độ chính xác của việc ghi chép các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan.

Xác định các bên liên quan hoặc các giao dịch quan trọng với các bên liên quan chưa được đơn vị được kiểm toán xác định hay thông báo trước đó

22. Nếu phát hiện ra các bên liên quan hoặc các giao dịch quan trọng với bên liên quan mà trước đó đơn vị được kiểm toán chưa xác định hoặc thông báo cho kiểm toán viên nhà nước, kiểm toán viên nhà nước phải:

- (i) Trao đổi kịp thời thông tin có liên quan với các thành viên khác trong Tổ kiểm toán, Đoàn kiểm toán;
- (ii) Nếu khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng có quy định về các bên liên quan thì kiểm toán viên nhà nước phải:
 - Yêu cầu đơn vị được kiểm toán xác định toàn bộ các giao dịch với các bên liên quan mới được phát hiện để kiểm toán viên nhà nước thực hiện đánh giá thêm;
 - Tìm hiểu về lý do mà các kiểm soát của đơn vị đối với các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan lại không thể phát hiện hoặc thông báo về các mối quan hệ hoặc giao dịch đó;
 - (iii) Thực hiện các thủ tục kiểm toán cơ bản thích hợp đối với các bên liên quan hoặc các giao dịch quan trọng với các bên liên quan mới được xác định, bao gồm:
 - Tìm hiểu về bản chất của các mối quan hệ của đơn vị với các bên liên quan mới được xác định thông qua việc phỏng vấn các bên không thuộc đơn vị, những người được cho là có hiểu biết đáng kể về đơn vị và môi trường hoạt động của đơn vị, như chuyên gia tư vấn pháp luật và các chuyên gia tư vấn khác, các đại lý giao dịch chính, các đại diện chính, đơn vị bảo lãnh, hoặc các đối tác thân thiết;
 - Tiến hành phân tích các ghi chép kế toán về các giao dịch với các bên liên quan mới được xác định; ■

(Kỳ sau đăng tiếp)

Ô nhiễm môi trường biển do rác thải nhựa đã trở thành vấn đề môi trường toàn cầu, được Chính phủ các nước hết sức quan tâm. Đây không chỉ là vấn nạn lớn, phức tạp ở quy mô, phạm vi mà còn cả về mặt tri thức, hiểu biết cũng như quá trình phát sinh, phát tán, biến đổi, đặc biệt là những tác động của nó đến các hoạt động kinh tế - xã hội và sức khoẻ con người, đòi hỏi sự chung tay của mỗi người dân, DN và mỗi quốc gia.

Việt Nam đứng thứ 4 thế giới về lượng rác thải nhựa ra biển

Theo báo cáo năm 2017 của Tổ chức bảo tồn Ocean Conservancy, 5 nước châu Á gồm: Trung Quốc, Indonesia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam là những quốc gia xả rác thải nhựa ra biển nhiều hơn tất cả các quốc gia khác trên thế giới cộng lại. Đại diện Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc cũng cho biết, Việt Nam đứng thứ 4 thế giới về lượng rác thải nhựa ra biển. Mỗi năm, nước ta xả ra đại dương từ 0,28 - 0,73 triệu tấn rác thải nhựa, tương đương 6% tổng lượng rác thải nhựa ra biển toàn thế giới.

Kết quả điều tra và phân tích của AlphaBeta năm 2017 cũng cho thấy, Việt Nam có 2,26 triệu tấn rác thải nhựa. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 1,22 triệu tấn rác thải nhựa (chiếm 54%) được thu gom. Ngay cả với số rác thải nhựa đã thu gom, việc xử lý hoặc tái chế cũng chưa được thực hiện kịp thời. Những rò rỉ từ các khâu thu mua, vận chuyển, tái chế hay xử lý đã khiến 13% rác thải thu gom, tương đương 160.000 tấn trở lại môi trường và trôi ra biển theo các cửa sông. Riêng ở các vùng ven biển, vùng nông thôn, điểm tập kết rác thường là những dòng sông - nơi rác thải nhựa theo dòng chảy ra biển.

Theo Giám đốc AlphaBeta - TS. Fraser Thompson, nguyên nhân của thực trạng trên là do quá trình thu gom, xử lý rác thải nhựa của Việt Nam mới chỉ tập trung ở

GIẢI QUYẾT RÁC THẢI NHỰA ĐẠI DƯƠNG:

Cuộc chiến không của riêng ai

□ XUÂN HỒNG

Một số kết quả nghiên cứu quốc tế gần đây cho thấy, hơn 50% tổng lượng rác thải nhựa ra đại dương đến từ các nước thuộc khu vực biển Đông Á, trong đó có Việt Nam.



Việt Nam đã triển khai nhiều hành động thiết thực nhằm giảm thiểu rác thải nhựa Ảnh: TTXVN

các thành phố lớn như Hà Nội và TP. HCM. Chưa kể, 60% hoạt động này đều ở quy mô nhỏ và rất nhỏ, dẫn đến tác động của nó cũng ở mức độ khiêm tốn. Đáng chú ý, những hoạt động như các hình thức đóng gói bao bì mới, sử dụng chất liệu thân thiện với môi trường hoặc có thể tái chế... vẫn còn khá khiêm tốn ở Việt Nam khi mới đạt tỷ lệ từ 2 - 3% tiềm năng.

Thậm chí, TS. Fraser Thompson còn chỉ ra rằng, rác thải nhựa đại dương ở quốc gia này có thể xuất phát từ nhiều quốc gia khác. Trong đó, độ phức tạp trong các loại rác thải nhựa vốn liên quan đến sản phẩm tiêu dùng của các DN xuyên quốc gia có các cơ sở sản xuất trên quy mô toàn cầu, khiến chính phủ mỗi nước không thể tự giải quyết được vấn đề.

Cần thúc đẩy cơ chế hợp tác toàn cầu về giảm chất thải nhựa

Trên thế giới, nhiều chiến dịch, sáng kiến ở các cấp độ khác nhau đã được phát động nhằm giảm thiểu rác thải nhựa ra đại dương, từ việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách pháp luật đến các dự án cụ thể về thu gom, xử lý rác thải nhựa với sự tham gia sâu rộng của các cộng đồng, các tổ chức quốc tế, các chính phủ, phi chính phủ và khối tư nhân.

Đề có cách làm phù hợp với điều kiện riêng biệt của mình, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm quản lý từ những công cụ chính sách mà nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng thành công. Chẳng hạn, nước Anh đã xây dựng những quy định rõ ràng liên quan đến trách nhiệm báo cáo

tình hình sử dụng nhựa, hướng dẫn về dữ liệu trong đóng gói sản phẩm. Qua đó, nước này đã xác định được những công ty có doanh thu hơn 3,7 triệu USD, sử dụng 50 tấn nguyên liệu đóng gói mỗi năm sẽ cần phải báo cáo với Chính phủ về dữ liệu nhựa đóng gói. Còn tại Nhật Bản, nước này có Luật Tái chế bao bì và vật liệu đóng gói, đồng thời tạo ra khung báo cáo chuẩn để DN thực hiện...

Thời gian qua, Việt Nam đã có những cam kết chính trị mạnh mẽ và triển khai nhiều hoạt động thiết thực trong quản lý giảm thiểu rác thải nhựa đại dương. Cụ thể, tại Hội nghị thượng đỉnh G7 mở rộng năm 2018 tại Canada, Việt Nam đã đưa ra sáng kiến các nước G7 về việc cần thúc đẩy hình thành cơ chế hợp tác toàn

cầu về giảm chất thải nhựa, hướng tới mục tiêu các đại dương xanh và sạch. Tại Kỳ họp lần thứ 6 Đại hội đồng Quỹ Môi trường Toàn cầu GEF diễn ra vào tháng 6/2018 tại Đà Nẵng, Việt Nam tiếp tục đề xuất sáng kiến thiết lập mối quan hệ đối tác khu vực các quốc gia biển Đông Á để quản lý rác thải nhựa đại dương. Gần đây, tại Hội nghị thượng đỉnh G20 tổ chức tháng 6/2019 ở Nhật Bản, Việt Nam đề xuất cần thúc đẩy hình thành mạng lưới toàn cầu về chia sẻ dữ liệu biển, đại dương, tiến tới khuôn khổ toàn cầu về ngăn ngừa rác thải nhựa trên biển.

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về giảm rác thải nhựa đại dương đến năm 2030. Bộ đã có tờ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam vừa tổ chức Hội thảo "Giải quyết rác thải nhựa đại dương ở Việt Nam và ASEAN", tham vấn ý kiến các bên nhằm hoàn thiện bản Kế hoạch. Bộ cũng dự kiến sẽ thành lập một trung tâm nghiên cứu quốc tế về rác thải nhựa đại dương và lập một cơ sở dữ liệu mở để mở rộng hợp tác quốc tế về vấn đề này.

Theo đại diện Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên quốc tế, việc giải quyết tình trạng ô nhiễm nhựa đang rất cần sự chung tay của các bên liên quan, bao gồm: Nhà nước, DN và các tổ chức xã hội. Thực tế cho thấy, vai trò của DN đang ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt là trong các nỗ lực giảm thiểu đồ nhựa dùng một lần. Thậm chí, theo TS. Fraser Thompson, các nước cần quy định trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, bằng cách tính thêm phí môi trường vào chi phí làm ra sản phẩm, buộc nhà sản xuất phải có trách nhiệm về sản phẩm trong suốt vòng đời của nó. ■

C chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (gọi tắt là GII) là một bộ công cụ đánh giá xếp hạng năng lực đổi mới sáng tạo của các quốc gia, được Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), Viện INSEAD (Pháp) và Đại học Cornell (Hoa Kỳ) phối hợp tổ chức. Năm 2019, việc tính toán chỉ số GII có sự thay đổi về chỉ số, nguồn dữ liệu và phương pháp tính. Theo đó, GII năm 2019 bao gồm 21 nhóm chỉ số và 80 tiêu chí số được chia thành 7 trụ cột chính, trong đó có 5 trụ cột đầu vào (thể chế vĩ mô, nguồn nhân lực và nghiên cứu, cơ sở hạ tầng, thị trường và môi trường kinh doanh) và 2 trụ cột đầu ra (sản phẩm tri thức và công nghệ, sản phẩm sáng tạo).

Theo báo cáo vừa được WIPO công bố, GII năm 2019 của Việt Nam tiếp tục tăng 3 bậc lên vị trí 42/129 quốc gia/nền kinh tế được xếp hạng so với năm 2018. So với năm 2016, thứ hạng này đã cải thiện 17

XẾP HẠNG NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU:

Việt Nam đứng thứ 3 trong các nước ASEAN

bậc, đưa Việt Nam vươn lên xếp thứ nhất trong nhóm 26 quốc gia có thu nhập trung bình thấp, đứng thứ 3 trong ASEAN sau Singapore và Malaysia. Đáng chú ý, nếu so với năm 2018, Việt Nam có sự tiến bộ ở cả nhóm chỉ số đầu vào (tăng 2 bậc) và chỉ số đầu ra (tăng 4 bậc), cũng như có điểm số cao hơn mức trung bình trong cả 7 trụ cột. Một số chỉ số có cải thiện đáng chú ý so với năm 2018 là: trình độ phát triển của thị trường tăng 3 bậc, tín dụng tăng 4 bậc, năng suất lao động tăng 3 bậc. Đặc biệt, hai chỉ số liên quan đến đầu vào và đầu ra của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã có bước nhảy vọt, cụ thể: tổng chi cho nghiên cứu và phát triển tăng 5 bậc, sản phẩm dựa

trên tri thức và công nghệ tăng 8 bậc.

Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá: kết quả GII năm 2019 là minh chứng quan trọng khẳng định hiệu quả chỉ đạo điều hành quyết liệt, toàn diện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các Bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng và triển khai các giải pháp đồng bộ, thiết thực, nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. Kết quả này cho thấy, Việt Nam đã đạt được nhiều chỉ tiêu mà Chính phủ đặt ra đến năm 2021.

Văn phòng Chính phủ vừa có Văn bản truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về kết quả này. Theo đánh giá của Thủ

tướng, những kết quả tích cực trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin đã góp phần tiếp tục cải thiện và nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam trong bảng xếp hạng GII. Bộ Khoa học và Công nghệ cần chủ trì, phối hợp các Bộ, ngành, địa phương có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được giao tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, nhằm nâng cao bền vững chỉ số xếp hạng của Việt Nam về đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung các yếu tố nâng cao chỉ số về thể chế, cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển kinh doanh và cập nhật các chỉ số còn thiếu trong bảng xếp hạng GII. ■

HỒNG NHUNG

Phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế nhưng còn nhiều bất cập

Trong giai đoạn 2005-2016, chuyển dịch đất đai để bố trí nguồn lực mặt bằng, địa bàn của các dự án là một nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế với xu hướng chuyển dịch chủ yếu từ nhóm chưa sử dụng sang mục đích sử dụng khác và từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; từ đất nông nghiệp sang đất công nghiệp dịch vụ, đất đô thị và đất nông nghiệp quy mô nhỏ sang đất nông nghiệp tập trung.

Theo GS, TSKH. Đặng Hùng Võ - nguyên Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, để đầu tư phát triển, chúng ta buộc phải thực hiện chuyển dịch đất đai từ việc sử dụng đất hiệu quả chưa cao sang việc sử dụng đất hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, chuyển dịch đất đai là một việc rất khó khăn do thường xảy ra mâu thuẫn về lợi ích.

GS. Đặng Hùng Võ dẫn chứng, đối với chuyển dịch đất đai bất buộc, hệ quả tiêu cực là xung đột lợi ích dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện luôn ở mức cao, chiếm tới 70% tổng lượng khiếu nại, khiếu kiện của dân. Ngược lại, chuyển dịch đất đai tự nguyện đạt được đồng thuận nên không có xung đột lợi ích, nhưng nhà đầu tư không bao giờ có thể thương thảo thành công với 100% những người đang sử dụng đất để có đất cho dự án đầu tư. Thường thảo thường được khoảng 70% là những người còn lại đòi giá đất mà nhà đầu tư không thể chấp nhận. Thực trạng này làm cho các nhà đầu tư không muốn thực hiện cơ chế chuyển dịch đất đai tự nguyện, mà muốn áp dụng cơ chế chuyển dịch đất đai bất buộc.

Phân tích từ thực tiễn, các chuyên gia cho rằng, trong nhiều rào cản chuyển dịch đất đai hiện nay, có vấn đề quy hoạch sử dụng đất chưa hoàn thiện, cùng với đó là những bất cập trong việc định

Hoàn thiện cơ chế, mở lối cho chuyển dịch đất đai hiệu quả

□ QUỲNH ANH

Tại Hội thảo “Quan điểm định hướng, các giải pháp hoàn thiện công cụ kinh tế thúc đẩy chuyển dịch đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững tại Việt Nam” do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế T.Ư (CIEM) tổ chức mới đây, các chuyên gia đã nêu rõ thực trạng và những bất cập trong quá trình chuyển dịch đất đai, đồng thời kiến nghị cần phải hoàn thiện thể chế thị trường đất đai theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả hơn.



Các chuyên gia cho rằng, thể chế thị trường đất đai cần được hoàn thiện theo hướng hiện đại, minh bạch hơn
Ảnh: MINH THÁI

giá đất. PGS, TS. Trần Quốc Toàn - Ủy viên Hội đồng Lý luận T.Ư, nguyên Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ - nhấn mạnh, bản thân quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nội dung cơ bản là xác định công năng của từng loại đất (gắn với quy mô đất sử dụng) trong một thời hạn nào đó. Điều đó đã là một yếu tố cơ bản quyết định giá trị đất, khả năng sinh lời của đất. Vì vậy, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất phải là một nội dung trọng yếu thể hiện chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, phù hợp với từng địa phương, khu vực. Đây

cũng là cơ sở để Nhà nước định giá đất trong từng giai đoạn.

Cần đổi mới căn bản về cơ chế chuyển dịch đất đai

Tuy nhiên, chính quy hoạch sử dụng đất và việc thực hiện quy hoạch không tốt đã làm cho thị trường đất đai bị méo mó, biến dạng, trì trệ, vận hành không minh bạch - ông Toàn đánh giá.

Dẫn kết quả khảo sát thực tế đất đai tại 10 tỉnh, thành phố trên cả nước, PGS, TS. Trần Kim Chung - Phó Viện trưởng CIEM - nêu rõ, quy hoạch đất đai với vai trò là cơ sở đầu tiên để đất đai có

thể chuyển dịch, còn kế hoạch chuyển dịch đất đai là cơ sở để đất đai chuyển dịch trong năm nhưng tỷ lệ biết thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của người dân ở nơi cư trú chỉ gần 70%. Như vậy, công tác lấy ý kiến nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa được chú trọng, đây là một trong những nguyên nhân khiến sau khi có quy hoạch thì tình trạng quy hoạch “treo” còn phổ biến.

Bên cạnh đó, theo ông Trần Quốc Toàn, giá đất vừa phản ánh quan hệ cung cầu đất đai trong cơ chế thị trường, vừa là công cụ để

Nhà nước quản lý đất đai và thị trường bất động sản, đảm bảo cho cơ chế sử dụng đất có hiệu quả và tiết kiệm, là căn cứ để Nhà nước thực hiện các chính sách xã hội về đất đai. Tuy nhiên, vấn đề định giá đất còn nhiều bất cập, hiện giá đất do Nhà nước quy định vẫn chỉ bằng từ 30 - 60% giá đất chuyển nhượng thực tế, thậm chí có khi thấp hơn nhiều.

Để hoàn thiện thể chế thị trường đất đai theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả, ông Trần Quốc Toàn cho rằng, cần nhận thức rõ bản chất của quan hệ đất đai vận động trong cơ chế thị trường là sự vận động của giá trị đất gắn liền với giá trị sử dụng đất.

Theo GS. Đặng Hùng Võ, pháp luật về đất đai cần có những đổi mới căn bản về cơ chế chuyển dịch đất đai theo hướng các dự án cần đất vì mục tiêu sinh lợi phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dựa trên phân tích chi phí - lợi ích về kinh tế gắn với cam kết chia sẻ lợi ích, đánh giá tác động xã hội và tác động môi trường. Đồng thời, tạo lập khung pháp luật cho cơ chế chuyển dịch đất đai dựa trên đồng thuận cộng đồng theo đa số đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gắn với nguyên tắc chia sẻ lợi ích. Chuyển dịch đất đai có thể áp dụng không chỉ chuyển hoàn toàn quyền sử dụng đất (chuyển nhượng) mà có thể áp dụng cả phương thức thuê đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Thực hiện 2 nội dung này sẽ phát huy được ưu điểm, khắc phục được nhược điểm của cả chuyển dịch đất đai bất buộc và tự nguyện - GS. Võ nhấn mạnh. ■

Ký hợp đồng EPC-3 của Dự án Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh

Vừa qua, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) đã ký Hợp đồng Thiết kế, cung cấp hàng hóa và thi công công trình đường ống bờ và các trạm (EPC-3) thuộc Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 điều chỉnh với Liên danh Tổng thầu Vietsovpetro - Lilama -Nagecco.

Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương đầu tư ngày 26/02/2010, đóng vai trò quan trọng trong phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp khí. Đến năm 2015, giai đoạn 1 của Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng với 151 km tuyến ống biển từ KP 207.5 đến giàn BK-Thiên Ưng. Theo kế hoạch đã phê duyệt, giai đoạn 2 của Dự án bao gồm các gói thầu chính: EPC phần đường ống biển (EPC-1); EPC nhà máy GPP2 (EPC-2); EPC phần đường ống bờ và các trạm (EPC-3); Mua sắm thép tấm; Sản xuất ống thép; Bọc ống... Trong đó, EPC-3 là một trong các gói thầu có nhiều hạng mục quan trọng của Dự án. ■

P.KHANG

Gỡ rào cản phát triển vật liệu xanh

Sử dụng vật liệu xanh thay thế các vật liệu truyền thống nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường đang là một xu hướng tất yếu. Việc sản xuất và sử dụng loại vật liệu này góp phần tiết kiệm tài nguyên không tái tạo, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính. Nhiều loại vật liệu xây dựng xanh đã được khuyến khích sử dụng, nhưng phổ biến nhất là vật liệu xây dựng không nung.

Nhu cầu vật liệu xanh ở Việt Nam đang tăng nhanh trong 5 năm trở lại đây, ở mức 10 - 12%. Dự kiến đến năm 2020, thị trường sẽ phải đáp ứng đủ nhu cầu 42 tỷ viên gạch quy chuẩn “xanh” cho các công trình xây dựng trong nước. Hiện nay, ngành vật liệu xây dựng đã sản xuất được một số sản phẩm thông minh như: xốp cách nhiệt, tấm lợp sinh thái, gạch bê tông nhẹ, tấm ốp đất sét nung, ngói tráng men, gỗ ốp tường xanh, xi măng

xanh, gạch ốp lát tái chế...

Tuy nhiên, trên thực tế, việc sử dụng các loại vật liệu xây dựng xanh vẫn chưa phổ biến bởi một số rào cản như: lo ngại về chi phí gia tăng, tiêu chuẩn vật liệu xanh chưa được ban hành cụ thể trong các văn bản pháp luật của các cơ quan chức năng, nhiều DN chưa hiểu rõ và ngại cập nhật cách sử dụng các vật liệu mới... Đơn cử như sản phẩm gạch không nung là một sản phẩm phổ biến với nhiều ưu điểm vượt trội so với sản phẩm gạch truyền thống, Chính phủ cũng đã có Chương trình phát triển Vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020 nhằm thúc đẩy đưa loại vật liệu này vào cuộc sống, tuy nhiên, không ít người vẫn “ngại” sử dụng.

Theo ông Lê Văn Tới - Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, quá trình phát triển công trình xây dựng xanh chưa được quan tâm đúng mức cả về góc độ quản lý nhà nước và hoạt động DN.

Mặt khác, do người dân chưa có thói quen trong sử dụng vật liệu xây dựng xanh, phía DN chậm đổi mới, đầu tư dây chuyền sản xuất mới.

Đưa ra giải pháp, các chuyên gia cho rằng, cần phải có các cơ chế rõ ràng để khuyến khích các DN đầu tư dây chuyền sản xuất và có những cơ chế kiểm soát đối với vật liệu xây dựng truyền thống. Đồng thời, khuyến khích người dân sử dụng vật liệu xây dựng xanh trong xây dựng và xây dựng các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn về sử dụng vật liệu xây dựng xanh trong các công trình xây dựng... Cơ quan chức năng cũng cần ban hành đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến sản phẩm, đến việc sử dụng vật liệu xây dựng xanh. Đặc biệt, đối với công trình xanh, cần đưa ra các tiêu chí, thông số đặc thù cụ thể và có chế tài xử lý đối với các chủ thể xây dựng không thực hiện quy định sử dụng vật liệu xây dựng mới. ■

NAM SON

Chủ trương và cơ sở pháp lý để chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCN) thành công ty cổ phần đã có từ năm 2015. Nhưng cho đến nay, số đơn vị được cổ phần hoá (CPH) mới chỉ có 0,09% trên tổng số ĐVSNCN của cả nước. Bộ Tài chính cho biết, quý IV năm nay, Bộ sẽ trình Chính phủ Dự thảo Nghị định mới nhằm thúc đẩy tiến độ CPH các đơn vị này.

Tại sao mới chỉ có 0,09% ĐVSNCN được cổ phần hóa?

Ông Đặng Quyết Tiến - Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính) - cho biết: Cả nước hiện có khoảng 58.000 ĐVSNCN với hơn 2,5 triệu lao động. Sau vài năm thực hiện cơ chế chuyển đổi ĐVSNCN sang công ty cổ phần, đến cuối năm 2018, mới chỉ có gần 50 ĐVSNCN được CPH, chưa đạt 0,09% số đơn vị đang hoạt động.

Thực tế, sau khi ĐVSNCN chuyển thành công ty cổ phần, có DN đã thành công hơn về mặt tài chính. Đơn cử như Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp Đồng Văn 3, tỉnh Hà Nam. Khi CPH vào năm 2016, lợi nhuận của DN này chỉ là 669 triệu đồng, nhưng đến năm 2018, lợi nhuận đã đạt 60,8 tỷ đồng, tăng 87 lần. Thu nhập của người lao động năm 2018 đạt 9,3 triệu đồng/người/tháng, trong khi năm 2016 chỉ là 5,5 triệu đồng. Một ví dụ khác, Công ty Quản

Sắp có quy định đầy đủ về việc cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập

□ THÙY ANH



Bộ Tài chính đề xuất 3 điều kiện mà ĐVSNCN cần đáp ứng để chuyển thành công ty cổ phần
Ảnh: Baohinhphu.vn

lý các bến xe khách Hải Dương, tỉnh Hải Dương sau 2 năm chuyển đổi, doanh thu năm 2018 tăng thêm 2 tỷ đồng, lên 7,6 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 579 triệu đồng (năm 2016 lợi nhuận chỉ có 121 triệu đồng). Bình quân thu nhập của người lao động cũng tăng từ 5 triệu đồng lên 7 triệu đồng/người/tháng. Cùng với việc tăng doanh thu, nhiều ĐVSNCN sau khi chuyển đổi đã đa dạng hóa được dịch vụ. Khi còn là ĐVSNCN, đơn vị

chỉ cung cấp dịch vụ trong phạm vi của tỉnh, nhưng khi chuyển sang công ty cổ phần, đơn vị đã trúng thầu ở địa phương khác.

Giải thích nguyên nhân tại sao có quá ít ĐVSNCN được CPH, đại diện Cục Tài chính doanh nghiệp cho rằng: ĐVSNCN được CPH phải thuộc diện tự chủ về chi thường xuyên, hoặc cả chi thường xuyên và đầu tư. Cùng với đó, ĐVSNCN muốn chuyển sang công ty cổ

phần phải thuộc danh mục và phương án chuyển đổi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hơn nữa, vấn đề lớn nhất khi CPH ĐVSNCN là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất, nhưng những nội dung này lại chưa có hướng dẫn. Mặt khác, Nhà nước cũng chưa có quy định chặt chẽ về nghĩa vụ tiếp tục cung cấp dịch vụ công đối với DN chuyển đổi từ ĐVSNCN, trong trường hợp các đơn vị này không tiếp tục cung cấp dịch vụ công hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất; chưa quy định cơ chế giám sát, tổng hợp báo cáo về tình hình cung cấp dịch vụ công của các DN; chưa quy định hết đối tượng ĐVSNCN có khả năng chuyển đổi thành công ty cổ phần như: ĐVSNCN thuộc các cơ quan chuyên môn của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp tỉnh; chưa có hướng dẫn xử lý một số nội dung tài chính đặc thù của ĐVSNCN hay chưa có quy định về bán toàn bộ phần vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCN hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ...

Những điều kiện để ĐVSNCN được cổ phần hóa

Để khắc phục các vướng mắc trong quá trình chuyển đổi ĐVSNCN và đẩy nhanh tiến độ CPH ĐVSNCN, quý IV năm nay, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ Dự thảo Nghị định về vấn đề này.

Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất 3 điều kiện mà ĐVSNCN cần đáp ứng để chuyển thành công ty cổ phần, bao gồm: tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên trong năm gần thời điểm thực hiện chuyển đổi nhất; vẫn đang còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị ĐVSNCN; thuộc danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCN thành công ty cổ phần do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ và giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển đổi để giảm thủ tục, thời gian thực hiện.

Cũng theo Dự thảo, các hình thức chuyển đổi ĐVSNCN, bao gồm: giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCN, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều

Hiện nay, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 27%, còn thu nhập từ các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp và dịch vụ chiếm tới 73%. Do đó, phát triển du lịch nông nghiệp được xác định là một trong những giải pháp nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn. Tuy nhiên, các hoạt động của loại hình du lịch mới này vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, chưa thực sự hấp dẫn du khách.

Phát triển tự phát, thiếu bài bản

Theo Tổng cục Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, định hướng du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp, nông thôn là 1 trong 5 dòng sản phẩm chủ đạo. Thời gian gần đây, hoạt động du lịch sinh thái nông nghiệp nông thôn đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng du khách với nhiều sản phẩm mang đặc trưng văn hóa nông nghiệp của các vùng, miền trải dài từ Bắc đến Nam. Theo báo cáo từ một số địa phương, lượng khách tham gia vào hoạt động nông nghiệp nông thôn ngày một tăng; chi tiêu, thu nhập

Gỡ “nút thắt” để du lịch nông nghiệp phát triển

□ LÊ HÒA



Phát triển du lịch nông nghiệp sẽ góp phần nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn
Ảnh: THÁI ANH

từ hoạt động du lịch nông nghiệp đem lại nguồn thu ổn định cho người nông dân, DN và đóng góp cho kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, hầu hết hoạt động du lịch nông nghiệp vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, manh mún. Sản phẩm du lịch nông nghiệp chưa thực sự hấp dẫn du khách

và chưa được chú trọng về thương hiệu. Một số khu vực có điều kiện tự nhiên đồng nhất, tập quán sinh hoạt, văn hóa cộng đồng giống nhau, sản phẩm du lịch nông nghiệp giữa các địa phương không tránh khỏi sự trùng lặp, đơn điệu. Đặc biệt, phần lớn người nông dân chỉ

quen sản xuất nông nghiệp, không có đủ các kỹ năng để phục vụ khách du lịch một cách chuyên nghiệp. Hầu hết sản phẩm du lịch nông nghiệp còn rất giản đơn, chưa tận dụng được hết lợi thế để thu hút khách, cũng như tăng khả năng chi tiêu từ khách du lịch.

Một số địa phương đã ít nhiều đề cập đến khái niệm “chuỗi giá trị du lịch”, nhưng việc này chưa được hiện thực hóa vì tính liên kết giữa các đơn vị cung ứng du lịch còn rời rạc, liên kết ngành hạn chế, liên kết vùng chỉ dừng lại ở “chính sách” và “văn bản định hướng chiến lược”. Đề cập đến vấn đề này, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hậu Giang Nguyễn Thị Lý cho rằng, toàn tỉnh hiện không có đơn vị kinh doanh lữ hành nên việc hỗ trợ, kết nối, đưa đón khách không thực hiện được. Điều đó tạo tâm lý không an tâm, không có nguồn khách ổn định nên người

dân chưa ủng hộ, chưa mạnh dạn đầu tư phát triển nông nghiệp gắn với khai thác du lịch. Ngoài ra, khái niệm về du lịch nông nghiệp còn khá mới mẻ ở địa phương cấp xã và huyện nên việc tư vấn, hỗ trợ người dân trong việc định hướng phát triển còn lúng túng và chưa bài bản.

Chung tay làm du lịch nông nghiệp

Sở với các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng Tháp là tỉnh phát triển loại hình du lịch sinh thái nông nghiệp khá muộn, nhưng bước đầu đã đạt được kết quả khá khả quan, với nhiều mô hình phong phú, không trùng lặp. Bí thư Tỉnh ủy Đồng Tháp Lê Minh Hoan chia sẻ về cách bà nông dân “cùng nhau làm du lịch” thông qua các hội quán nông dân với phương châm: “Cùng nhau xây dựng, cùng nhau quản trị, cùng nhau thụ hưởng”, không chỉ dựa vào những vườn hoa, cây trái,

lệ; bán một phần vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại ĐVSNCL hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Ông Đặng Quyết Tiến cho biết thêm: Dự thảo Nghị định quy định, các ĐVSNCL trong lĩnh vực y tế, giáo dục chưa thuộc diện chuyển đổi thành công ty cổ phần, vì bệnh viện và trường học cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân. Tuy nhiên, đơn vị nào đủ điều kiện và xung phong CPH thì cơ quan quản lý rất hoan nghênh. Riêng các cơ sở y tế, giáo dục thuộc các tập đoàn, tổng công ty sẽ được CPH khi tập đoàn và tổng công ty thực hiện việc này. Đây là trường hợp đã thực hiện tại Bệnh viện Dệt may thuộc Tập đoàn Dệt may; Viện Nghiên cứu của Tập đoàn Cao su cũng đang tiến hành CPH cùng Tập đoàn.

Ông Tiến nhấn mạnh: Khi xây dựng Nghị định, cơ quan soạn thảo đặc biệt chú trọng việc xử lý căn cơ về vấn đề đất đai cho các đơn vị thuộc diện chuyển đổi. Theo đó, các đơn vị sự nghiệp này phải có phương

án sử dụng đất cụ thể khi thực hiện phương án CPH. Sau khi CPH, các công ty cổ phần phải sử dụng đất đúng mục đích đã được phê duyệt. Chẳng hạn, trường nghề sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần nếu vẫn dạy nghề thì diện tích đất sử dụng phải phục vụ chính cho việc dạy nghề. Trường hợp diện tích đất, tòa nhà phục vụ cho đào tạo nghề còn dư thì có thể cho thuê, nhưng không thể chỉ dành 10% diện tích cho đào tạo nghề còn lại 90% là cho thuê. Trường hợp ĐVSNCL sau khi CPH không cung cấp dịch vụ công nữa thì đất đai phải được thu lại để giao cho địa phương quản lý và đấu giá.

Theo ông Tiến, ĐVSNCL sau khi chuyển đổi sang DN phải đảm bảo hiệu quả hoạt động và quyền lợi của người lao động. Do đó, tại Dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính đề xuất người lao động được mua cổ phần với giá ưu đãi. Đặc biệt, người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn cao thì được mua thêm cổ phần.

Ngoài ra, Dự thảo Nghị định còn đề xuất các chính sách liên quan đến việc xác định giá trị ĐVSNCL, việc quản lý, sử dụng tiền thu từ quá trình chuyển đổi, quyền hạn và trách nhiệm của các bên liên quan khi tổ chức thực hiện chuyển đổi... ■

thừa ruộng... mà còn phải biết khai thác vốn văn hóa bản địa, vốn xã hội của cộng đồng dân cư tại địa phương dựa vào 5 yếu tố: gia đình hòa thuận - lợi ích cộng đồng - đam mê cháy bỏng - đổi mới sáng tạo và nhất là tạo ra được môi trường hài hòa, thân thiện, giàu bản sắc. Quan trọng hơn nữa là người lãnh đạo, từ tỉnh đến xã, phải thực sự cầu thị, hiểu, chia sẻ, hỗ trợ và định hướng cho bà con nông dân tự làm du lịch.

Để đưa du lịch nông nghiệp trở thành một ngành kinh tế phát triển, bền vững, các chuyên gia trong ngành du lịch đề xuất, cần có các chính sách hỗ trợ vốn cho người nông dân đầu tư vào nông nghiệp du lịch. Khi người nông dân hiểu rằng đầu tư mô hình du lịch trên chính cánh đồng của mình sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn trồng lúa, trồng hoa và có thể xóa đói giảm nghèo thì chắc chắn họ sẽ thực hiện. Mặt khác, cần sự liên kết chặt chẽ hơn từ các cơ quan quản lý, DN, nhà khoa học để góp phần quảng bá,

xây dựng thương hiệu, sản phẩm du lịch nông nghiệp. Nhà nước và DN cần chung tay đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch nông nghiệp cũng như đào tạo kiến thức du lịch cho nông dân. Liên kết chặt chẽ giữa nông dân, DN lữ hành, địa phương, cơ quan quản lý du lịch, nông nghiệp... là rất quan trọng để đưa du lịch nông nghiệp đột phá.

Tổng cục Du lịch cho hay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới". Thông qua Đề án này, các cơ quan chức năng tiến hành đánh giá thực trạng, hạn chế của du lịch nông thôn, từ đó đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách đặc thù nhằm tạo ra động lực phát triển cho du lịch nông thôn giai đoạn tới, phát huy lợi thế của nông nghiệp, nông thôn, xây dựng chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp, nông thôn góp phần đạt mục tiêu quốc gia về phát triển nông thôn mới bền vững. ■

Quy định quản lý rủi ro - sự thay đổi căn bản trong hoạt động hải quan

□ MINH ANH

Bộ Tài chính đang hoàn thiện Thông tư quy định về quản lý rủi ro (QLRR) trong hoạt động hải quan để ban hành trong tháng 9/2019. Điểm đáng chú ý là Thông tư này sẽ công khai việc đánh giá DN tuân thủ pháp luật, từ đó tạo thuận lợi cho DN trong quá trình làm thủ tục thông quan hàng hóa.

Quản lý rủi ro đã giảm đáng kể tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa

Việc QLRR đã tạo ra sự thay đổi căn bản trong phương thức quản lý hải quan. Phương thức truyền thống trước đây là kiểm tra các lô hàng, còn khi thực hiện QLRR, cơ quan hải quan chỉ tập trung kiểm tra, giám sát, kiểm soát những DN có rủi ro cao, còn các DN chấp hành tốt quy định, thuộc diện rủi ro thấp sẽ được tạo thuận lợi khi làm thủ tục hải quan. Việc QLRR còn khuyến khích các DN tự nguyện tuân thủ pháp luật để được hưởng ưu đãi về thủ tục hải quan. Đặc biệt, các DN có kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) lớn và tuân thủ pháp luật XNK thì sẽ được cơ quan hải quan xem xét lựa chọn tham gia chương trình DN ưu tiên để DN được thông quan hàng hóa nhanh, tiết kiệm chi phí, góp phần tăng năng lực cạnh tranh.

Với những ưu điểm trên, ngành hải quan đã mở rộng phạm vi và chuyên sâu về nội dung, kỹ thuật nghiệp vụ QLRR, đặc biệt là việc áp dụng hoạt động này trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK. Nhờ việc QLRR, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa đã giảm đáng kể. Khi chưa thực hiện QLRR, hầu hết các lô hàng xuất khẩu đều thuộc diện kiểm tra, năm 2014, tỷ lệ kiểm tra thực tế là 9,68%, đến nay, tỷ lệ này giảm còn 5,07%. Cùng với đó, việc QLRR đã góp phần đơn giản hoá thủ tục hải quan, giảm thời gian thông quan, giảm chi phí cho DN trong quá trình thông quan hàng hóa XNK; tạo nền tảng quan trọng cho sự đột phá trong quá trình cải cách, điện tử hóa, tự động hóa thủ tục hải quan nói riêng cũng như công tác quản lý của ngành hải quan nói chung.

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan Hoàng Việt Cường cho biết: Mặc dù đã đạt được những kết quả nói trên nhưng quá trình triển khai công tác QLRR còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập, như: các điều khoản về QLRR còn quy định tại nhiều văn bản; một số hoạt động nghiệp vụ hải quan chưa áp dụng QLRR; chất lượng đánh giá và quản lý DN tuân thủ còn hạn chế dẫn đến việc áp dụng kết quả đánh



Hoạt động nghiệp vụ hải quan tại Chi cục Hải quan Bắc Ninh, Cục Hải quan Bắc Ninh
Ảnh: THU TRANG

giá tuân thủ trong quản lý hải quan còn mờ nhạt, chưa đáp ứng được các yêu cầu tạo thuận lợi trong hoạt động XNK.

Sẽ công khai tiêu chí và kết quả đánh giá xếp hạng doanh nghiệp

Thực hiện yêu cầu của Chính phủ về "Công khai các tiêu chí đánh giá mức độ tuân thủ DN", đồng thời khắc phục những bất cập nêu trên, Bộ Tài chính đang hoàn thiện Dự thảo Thông tư về áp dụng QLRR trong hoạt động hải quan, dự kiến sẽ ban hành trong tháng 9/2019. Thông tư này được kỳ vọng sẽ đảm bảo đầy đủ, đồng bộ, thống nhất hệ thống quy định pháp lý về QLRR, phù hợp với yêu cầu cải cách, hiện đại hóa, tạo thuận lợi cho DN XNK và kiểm soát việc tuân thủ pháp luật trong quản lý hoạt động XNK, xuất nhập cảnh.

Ông Bùi Thái Quang - Phó Cục trưởng Cục QLRR, Tổng cục Hải quan - cho biết: Trước đây, các tiêu chí đánh giá DN được cơ quan hải quan bảo mật, nhưng theo Dự thảo Thông tư này, cơ quan hải quan sẽ công khai tiêu chí và kết quả đánh giá xếp hạng DN. Mục đích của việc này là tạo sự bình đẳng cho các DN, khuyến khích DN chủ động và nâng cao trách nhiệm của họ trong việc tuân thủ pháp luật hải quan. DN tuân thủ tốt pháp luật sẽ được cơ quan hải quan tạo thuận lợi tối đa và tùy vào từng mức độ tuân thủ sẽ được hưởng lợi tương ứng. Nếu DN không tuân thủ thì phải chịu sự quản lý chặt chẽ.

Cụ thể, cơ chế xử lý vi phạm của cơ quan hải quan cũng sẽ tương ứng với mức độ tuân thủ của DN và mức độ rủi ro của hàng hóa. DN có mức độ tuân thủ cao, hàng hóa rủi ro thấp thì cơ quan hải quan chỉ theo dõi, giám sát hoạt động của DN và các lô hàng. Đây là trường hợp hàng hóa được phân vào luồng xanh và hàng hóa sẽ được thông quan ngay.

DN tuân thủ trung bình, hàng hóa rủi ro trung bình thì cơ quan hải

quan kiểm tra sơ bộ hồ sơ XNK (phân luồng vàng), hoặc lưu giữ các thông tin giao dịch của DN trên hệ thống để đưa ra quyết định kiểm tra sau thông quan trong 60 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa hoặc trong thời hiệu 5 năm kể từ ngày thông quan hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Đối với DN tuân thủ thấp, hàng hóa XNK thuộc danh mục rủi ro cao, cơ quan hải quan sẽ phân vào luồng đỏ để kiểm tra hồ sơ và thực tế lô hàng. Trường hợp DN không tuân thủ và có dấu hiệu vi phạm ở mức độ rủi ro cao với tần suất vi phạm nhiều lần thì cơ quan hải quan tiến hành cùng cố hồ sơ khởi tố vụ án và chuyển cơ quan điều tra thực hiện các bước tố tụng hình sự.

Ông Quang cho biết: Dự thảo cũng quy định rõ trách nhiệm của cơ quan hải quan như: cung cấp thông tin, tư vấn, giải quyết vướng mắc trong quá trình làm thủ tục hải quan... để DN tự tuân thủ pháp luật. Cơ quan hải quan sẽ mở ra cơ chế thuận lợi để DN có thể tránh được sai sót theo các cấp độ: Một là, DN có thể khai bỏ sung khi phân luồng nếu tự thấy tờ khai ban đầu chưa chính xác theo quy định. Hai là, trường hợp hàng hóa của DN đã phân vào luồng vàng (phải kiểm tra hồ sơ), cơ quan hải quan vẫn cho DN khai bỏ sung trước khi cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ XNK hàng hóa. Ba là, trong trường hợp cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, DN vẫn có 60 ngày rà soát, trao đổi để bổ sung thông tin tờ khai. Đặc biệt, trong vòng 5 năm kể từ khi thông quan hàng hóa, DN vẫn có thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ XNK.

Theo ông Quang, DN cần chủ động thực hiện quy định để cơ quan hải quan xem xét, tạo thuận lợi tối đa trong quá trình thực hiện thủ tục XNK. Để làm được việc này, DN phải có kỹ năng quản lý và tổ chức đội ngũ làm thủ tục hải quan chuyên nghiệp. ■

Tin tức

Tỷ lệ phòng học kiên cố của cả nước chỉ đạt khoảng 74,9%

Theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến cuối năm học 2018-2019, tình trạng thiếu nhà vệ sinh, công trình nước sạch ở các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cơ bản đã được khắc phục. Tuy nhiên, số lượng phòng học tạm bợ vẫn còn lớn. Tính đến hết năm học 2018-2019, tỷ lệ phòng học kiên cố của cả nước vẫn ở mức thấp, chỉ đạt bình quân khoảng 74,9%. Trong đó, một số tỉnh có tỷ lệ phòng học kiên cố ở mức rất thấp là: Hà Giang 53,2%; Tuyên Quang 51,1%; Cao Bằng 51,2%; Đắk Nông 54,7%; Bình Phước 52,5%; Sóc Trăng 48,1%...

Nguyên nhân được xác định là do điều kiện kinh tế khó khăn nên nguồn kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất trường, lớp của một số địa phương còn hạn hẹp. Một số nơi, việc đầu tư còn dàn trải nên hiệu quả chưa cao... ■ **PHÓ HIỂN**

Phim do Nhà nước đặt hàng gặp khó khăn



Báo cáo của Cục Điện ảnh gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch mới đây cho biết, dự kiến kinh phí sản xuất phim phục vụ nhiệm vụ chính trị giai đoạn 2018-2021 là hơn 500 tỷ đồng, tuy nhiên, do khó khăn trong việc lựa chọn kịch bản phù hợp để sản xuất phim nên nguồn kinh phí nêu trên được sử dụng rất ít.

Theo Cục Điện ảnh, năm 2018, Cục nhận được 11 kịch bản từ các đơn vị sản xuất nhưng đến nay, nhiều kịch bản chưa được Hội đồng T.Ư thẩm định và tuyển chọn, thông qua. Tình trạng này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ lựa chọn kịch bản, sản xuất phim đặt hàng theo kế hoạch. Do đó, Cục đã đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có phương án tháo gỡ... ■ **NGUYỄN LỘC**

Nhật Bản hỗ trợ đào tạo nhân lực y tế

Bộ Y tế và Trường Đại học Quốc tế Sức khỏe và Phúc lợi Nhật Bản (IUHW) vừa ký Biên bản ghi nhớ hợp tác. Theo đó, IUHW sẽ cấp học bổng toàn phần cho nhiều nhất 10 sinh viên/năm theo học tại Nhật Bản tại các cơ sở là các trường của IUHW.

Chương trình hợp tác sẽ kéo dài trong 5 năm, tập trung vào các lĩnh vực đào tạo: trình độ đại học cho một số chuyên ngành, với thời gian đào tạo từ 4 - 6 năm, giá trị học bổng khoảng 2,1 - 4 tỷ đồng/sinh viên; trình độ thạc sĩ chuyên ngành Y tế công cộng trong thời gian 2 năm với giá trị học bổng khoảng 1,2 tỷ đồng/sinh viên. Bên cạnh đó, IUHW sẽ hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho các cán bộ của Bộ Y tế như: quản lý y tế, chính sách y tế và các chính sách an ninh xã hội... ■ **N. HỒNG**

Ra mắt Ngân hàng dữ liệu ngành dược

Cục Quản lý Dược (Bộ Y tế) vừa ra mắt Ngân hàng dữ liệu ngành dược tại địa chỉ Website Drugbank.vn. Đây là lần đầu tiên, ngành dược có một cơ sở dữ liệu chính thống giúp cho việc quản lý, sử dụng thuốc hiệu quả và an toàn hơn.

Drugbank.vn có kho dữ liệu chứa thông tin của hơn 10.000 đầu thuốc đang lưu hành, gần 41.000 cơ sở sản xuất, phân phối thuốc và dược sĩ đã được cấp chứng nhận hành nghề, đồng thời cung cấp cho người dùng một nền tảng tra cứu toàn diện, thuận tiện mọi lúc, mọi nơi thông qua website hoặc ngay trên ứng dụng di động. Thông qua Ngân hàng dữ liệu, cơ quan quản lý dễ dàng theo dõi được lịch sử thay đổi của thuốc và hoạt động của DN theo thời gian, giúp kiểm soát chất lượng thuốc, tình trạng phân phối và lưu hành thuốc, hỗ trợ quản lý giá thuốc một cách nhanh nhất và hiệu quả; giúp nhân viên y tế truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu về tất cả các thuốc đang lưu hành tại Việt Nam từ kênh chính thống... ■ **Đ. KHOA**

Điểm nhóm ngành kinh tế vẫn "chót vót"

Theo ghi nhận, đến thời điểm này, nhóm ngành kinh tế tại các trường có uy tín tiếp tục có sự bứt phá với mức điểm chuẩn cách xa nhóm trường còn lại. Cụ thể, các ngành của Trường ĐH Ngoại thương có mức điểm chuẩn tăng từ 1,5 đến trên 2 điểm so với năm 2018. Trường ĐH Thương mại đang

Đẩy lùi ro về phía thí sinh

Rõ ràng, nếu chỉ nhìn vào phổ điểm của các trường, đặc biệt là các trường uy tín có xu hướng tăng như nêu trên, có cơ sở để kỳ vọng về chất lượng nguồn tuyển sinh đầu vào của các trường cũng như cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, theo các chuyên gia giáo dục, việc tăng điểm chuẩn cũng đồng

sự phạm Vật lý, sư phạm Hóa học, sư phạm Sinh học. Ngay sau khi công bố điểm chuẩn, trường ĐH này đã thông báo xét tuyển bổ sung hơn 600 chỉ tiêu bậc ĐH cho tất cả các ngành. Đại diện Trường này cho biết, Trường cũng sẽ tính đến phương án tăng điểm chuẩn một số ngành để đánh trượt thí sinh, nếu không đáp ứng được yêu cầu chỉ tiêu để mở lớp.

Duy trì mức điểm chuẩn cao, các trường đẩy khó cho thí sinh

□ **NGUYỄN LỘC**

Từ ngày 08/8, hàng loạt trường đại học (ĐH) trên cả nước đã công bố điểm chuẩn và phần lớn đều tăng so với năm 2018. Theo dõi sát sao diễn biến của quá trình công bố, điều chỉnh điểm, nhiều chuyên gia đã đưa ra cảnh báo về việc một số trường tăng điểm chuẩn theo hướng tiêu cực, ảnh hưởng đến quyền lợi của thí sinh...

ghi nhận có mức tăng điểm chuẩn mạnh nhất nhóm trường kinh tế ở miền Bắc đến thời điểm này, khi một số ngành tăng 5 điểm, một số ngành tăng 2 - 2,5 điểm.

Trường ĐH Kinh tế Quốc dân có những ngành điểm chuẩn lên tới 25, 26 điểm. So với năm 2018, mức điểm chuẩn này cũng đã tăng trên dưới 2 điểm. Tuy nhiên, TS. Trương Đình Đức - Phó Trưởng Phòng Truyền thông Nhà trường - cho rằng, dù mức điểm chuẩn của Trường có tăng so với năm 2018 nhưng mức tăng này cũng khó phá vỡ kỷ lục tăng điểm của Trường vào năm 2017, với điểm chuẩn vào Trường có ngành lên tới 27 điểm. "Có 2 yếu tố ảnh hưởng đến mức tăng điểm chuẩn, một là phổ điểm năm nay tương đối cao, hai là số lượng nguyện vọng của thí sinh cao" - ông Đức nói.

Tương tự, điểm chuẩn của các trường đào tạo khối ngành kinh tế ở phía Nam cũng tăng mạnh, đặc biệt là các trường có uy tín. Tại Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐH Quốc gia TP. HCM), điểm trung bình trúng tuyển vào Trường là 24,13 điểm, trong đó, điểm trung bình trúng tuyển khối ngành kinh tế là 24,02; khối ngành kinh doanh và quản lý 24,38 điểm và khối ngành luật là 23,51 điểm.

Tương tự, điểm chuẩn năm nay của Trường ĐH Kinh tế TP. HCM cũng tăng khá cao, với ngành thấp nhất là 21,6 điểm. Ngành có điểm chuẩn cao nhất lên đến 25,1 điểm là ngành kinh doanh quốc tế. Ông Nguyễn Văn Đương - Phó Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Nhà trường - cho biết: "Điểm chuẩn của Trường tăng ngoài dự báo của chúng tôi, với mức tăng hơn 3 điểm trở lên so với năm ngoái".



Nhiều trường ĐH tăng điểm chuẩn, thu hẹp cơ hội trúng tuyển của thí sinh
Ảnh: Baocinhphu.vn

nghĩa với việc đẩy thêm rủi ro cho thí sinh, khi cơ hội trúng tuyển của thí sinh bị thu hẹp lại, bởi tình trạng thí sinh "áo" vẫn tồn tại.

Trong khi đó, đối với trường nhóm dưới, tình trạng rủi ro với thí sinh cũng không phải ít. Nguyên nhân bắt nguồn từ việc nhiều trường không có, hoặc không tuyển đủ nguồn thí sinh để mở lớp nên buộc phải đánh trượt thí sinh bằng việc nâng điểm chuẩn lên thật cao. Điển hình như tại Trường ĐH Đồng Nai, trong 14 ngành đăng ký tuyển sinh, có đến 4 ngành chưa có thí sinh trúng tuyển, bao gồm: sư phạm Vật lý, sư phạm Sinh học, sư phạm Lịch sử và quản lý đất đai. Trước tình hình này, Trường đã buộc phải đẩy điểm chuẩn của các ngành này lên rất cao so với các ngành khác để đánh trượt thí sinh, vì số lượng thí sinh đăng ký không đủ để mở lớp. Cụ thể, ngành sư phạm Vật lý điểm chuẩn được đẩy lên đến 24,7 và ngành sư phạm Lịch sử cũng bị đẩy lên đến 22,6 và không có thí sinh trúng tuyển.

Tại Trường ĐH Quảng Bình, hàng loạt ngành sư phạm vẫn chưa tuyển được thí sinh như: sư phạm Toán học,

Tuy nhiên, điều này không được Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) tán thành. Trao đổi với báo chí, bà Nguyễn Thị Kim Phụng - Vụ trưởng Vụ Giáo dục ĐH (Bộ GD&ĐT) - lưu ý các trường đào tạo sư phạm, nếu có quá ít thí sinh không đủ

mở lớp, trường cần sớm thông tin để thí sinh thay đổi nguyện vọng, tránh trường hợp không đủ mở lớp thì đẩy điểm chuẩn lên quá cao để đánh trượt thí sinh.

Nhận định về công tác tuyển sinh năm nay, PGS,TS. Trần Xuân Nhĩ - Phó Chủ tịch Hiệp hội Các trường ĐH, Cao đẳng Việt Nam - cho rằng, nhìn bề ngoài có thể thấy, cơ hội trúng tuyển ĐH của thí sinh rất rộng mở, tuy nhiên, ngược lại, rủi ro với thí sinh ngày càng cao. Yếu tố rủi ro này, xét dưới góc độ người học lựa chọn được ngành học, trường học phù hợp, chứ không phải theo diện "vớt". "Trong khi các trường top trên duy trì ở mức điểm chuẩn cao, luôn có biến động, các trường nhóm dưới cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro, khi thí sinh có thể bị đánh trượt, gây ảnh hưởng đến cơ hội học tập của thí sinh" - PGS,TS. Trần Xuân Nhĩ nói, đồng thời nhấn mạnh: "Vai trò điều tiết của Bộ GD&ĐT là rất quan trọng. Tuy nhiên, vai trò này chưa được phát huy, dù tình trạng rủi ro cho thí sinh như nêu trên đã kéo dài từ mùa tuyển sinh trước đến nay". ■

TIN VĂN

- Ngày 12/8, Chủ tịch nước đã ký các quyết định truy tặng, phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú cho 391 nghệ sĩ theo đề nghị của Chính phủ. Lễ trao tặng các danh hiệu dự kiến sẽ được tổ chức vào dịp Quốc khánh 2/9 tới.

- Với chủ đề "Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc vùng Tây Bắc trong thời kỳ hội nhập và phát triển bền vững đất nước", Ngày hội Văn hóa - Thể thao và Du

lịch các dân tộc vùng Tây Bắc lần thứ XIV năm 2019 sẽ được tổ chức từ ngày 18 - 20/8 tại tỉnh Sơn La.

- Từ ngày 12 - 14/8, tại Hà Nội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp tổ chức Lớp Tập huấn về dạy kỹ năng an toàn trong môi trường nước cho trẻ em.

- Tại Hội nghị Tổng kết năm học 2018-2019 và triển khai năm học mới 2019-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo mới đây, đại diện Bộ cho biết, Bộ đang tính toán giai đoạn 2021-2023 sẽ từng bước thực hiện thi Trung học phổ thông trên máy tính. ■ **LỘC NGUYỄN**

Tin tức

Zimbabwe: ZESA nhiều lần lạm chi ngân sách

Cuối tháng 7 vừa qua, Hãng PwC đã công bố kết quả cuộc kiểm toán Công ty Sản xuất, Truyền tải và Phân phối điện Zimbabwe (ZESA). Theo đó, năm 2015, ZESA đã cố tình vi phạm các quy định của pháp luật, nhiều lần lạm chi ngân sách, không tuân thủ các quy trình đầu thầu... ZESA đang phải đối phó với nhiều hoạt động đình trệ, đẩy cả nước rơi vào cảnh mất điện dài ngày. ■

(Theo AllAfrica)

Hoa Kỳ: Chi sai hàng trăm triệu USD trợ cấp y tế

Văn phòng Tổng Thanh tra Bộ Y tế và Dịch vụ nhân sinh Hoa Kỳ (OIG) mới đây đã hoàn thành cuộc kiểm toán Chương trình Trợ cấp y tế tại bang New York. Ước tính, Bang đã thanh toán hàng trăm triệu USD cho những người không thuộc đối tượng. OIG khuyến nghị, Bang cần thắt chặt giám sát để xác định đúng đối tượng hưởng trợ cấp nhằm tránh gây thất thoát ngân sách. ■

(Theo Rivkinradler)

Na Uy: Kiểm toán mỏ dầu biển Draugen

Mới đây, Cơ quan An toàn dầu mỏ Na Uy đã công bố kết quả cuộc kiểm toán mỏ dầu biển Draugen được thực hiện từ ngày 27/3 đến 04/4/2019. Cuộc kiểm toán đã phát hiện ra một số thiếu sót lớn trong việc quản lý dữ liệu, trong các hệ thống bảo trì, quy trình xử lý sự cố..., đồng thời, đưa ra các khuyến nghị giúp công ty quản lý Draugen cải thiện những thiếu sót hiện tại. ■

(Theo Ptil.no)

Tin vắn

►► Tổng Kiểm toán Kenya mới đây tiết lộ, hóa đơn đang chờ xử lý tại các quận, huyện có tổng số tiền lên tới gần 555 triệu USD là giả và sẽ không được thanh toán. ■

(Theo NairobiPress)

►► Vừa qua, Tổng Kiểm toán Nam Phi đã công bố một báo cáo cho thấy năm 2017-2018, 18% các địa phương để khuyết nhiều vị trí lãnh đạo, một số chính quyền chi tiêu nhiều hơn các nguồn thu. ■

(Theo News24)

►► Mới đây, Tổng Kiểm toán Australia đã kêu gọi các cơ quan nhà nước cần hợp tác hiệu quả với cộng đồng người bản địa trong chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em. ■

(Theo Audit.wa)

YÊN NHÌ

Bộ Giáo dục Philippines chịu chỉ trích nặng nề từ phát hiện kiểm toán

□ NGỌC QUỲNH

Ngày 08/8, KTNN Philippines (COA) đã công bố Báo cáo kiểm toán thường niên năm 2018 tại Bộ Giáo dục Philippines, trong đó chỉ ra hàng loạt sai phạm liên quan đến việc thực hiện các thỏa thuận xây dựng giáo trình và phân bổ sách giáo khoa với giá trị vi phạm lên tới hơn 360 triệu Peso (khoảng 7 triệu USD).

Tự siết sự tham gia của Bộ trong xuất bản, phân phối sách

Theo COA, Bộ Giáo dục nước này đã chi dùng hơn 250 triệu Peso cho các thỏa thuận để sản xuất, xây dựng giáo trình. Song các giáo trình được xây dựng “không tương ứng với chỉ dẫn về chương trình học”. Với cách thức xây dựng đó, người học sẽ phải tiếp cận quá nhiều với các nguồn tài liệu bổ sung như: sách tại các cơ sở dạy thêm tư thực và internet.

Các kiểm toán viên đã chỉ ra rằng, những thỏa thuận xây dựng giáo trình này đã sai phạm ngay từ khi đặt bút ký. Theo Luật Cộng hòa số 8047 và Luật Phát triển ngành xuất bản sách của Philippines, các nhà xuất bản tư nhân sẽ tham gia sản xuất, phát triển giáo trình. Trong Báo cáo, COA đã trích dẫn Mục 11 của Luật số 8047 quy định sự tham gia của các nhà xuất bản tư nhân trong xây dựng giáo trình tại các trường công lập: “Các nhà xuất bản sẽ tiến hành xây dựng và đệ trình lên Bộ Giáo dục các bản thảo hoặc sách dự kiến được sử dụng trong các trường công lập để Bộ thử nghiệm, đánh giá, lựa chọn và thông qua”.

Tuy nhiên, thay vì cho phép các nhà xuất bản tư nhân thực hiện sản xuất và cung cấp sách giáo khoa theo yêu cầu của các trường công lập trên cả nước, Bộ Giáo dục Philippines lại lôi kéo sự tham gia của các nhà biên soạn sách được thẩm duyệt bởi Cơ quan Phát triển chương trình học (BCD). “Rõ ràng, điều này là mâu thuẫn với Mục 11, Luật số 8047 của Philippines, trong đó hạn chế sự tham gia của Bộ trong quá trình xuất bản và phân phối sách giáo khoa” - COA cho biết.



Ảnh minh họa của asiafoundation.org

Để tồn kho sách giáo khoa trị giá hàng trăm triệu Peso

Ngoài ra, các kiểm toán viên cũng chỉ trích Bộ Giáo dục để tồn kho, không phân phối đến các trường một số lượng lớn sách giáo khoa với giá trị hơn 113 triệu Peso. COA ghi nhận sai phạm này là “đáng báo động”, đồng thời cho biết 3,4 triệu đầu sách giáo khoa dự kiến được phân phát tại các trường công lập trên toàn quốc đã không được đưa vào sử dụng. Số lượng sách tồn này được tính từ năm 2014, chủ yếu để cung cấp cho các trường mới thành lập hoặc thay thế sách cũ. Dựa trên số liệu kiểm tra của COA, chỉ có 15,8% sách dự trữ được lấy ra sử dụng và cung cấp cho các trường học tại các khu vực chịu ảnh hưởng của lũ quét.

COA cho rằng, đây là một trong những hạn chế cố hữu tại Bộ Giáo dục Philippines do các kiểm toán viên trước đó đã liên tục khuyến nghị và kêu gọi Bộ giải quyết triệt để vấn đề tồn kho gây hư hỏng các đầu sách.

Ngoài các vấn đề trên, COA cũng “vẫy cờ” một số văn phòng khu vực của Bộ Giáo dục bao gồm Sở Giáo dục các bang: Cagayan Valley, Western Visayas, Northern Mindanao, Caraga do lãnh phí

trong việc tổ chức nhiều hoạt động đào tạo và các cuộc họp, hội thảo, hội nghị được cho là không cần thiết.

Phản hồi trước những phát hiện kiểm toán, lãnh đạo Bộ cho biết: “Chúng tôi cam kết sẽ tiến hành rà soát lại các chỉ dẫn của Chính phủ về việc ký thỏa thuận đầu thầu mua sắm các học liệu và sẽ đánh giá các biện pháp kiểm soát tài liệu lưu kho”. Lãnh đạo Bộ cam kết sẽ giải quyết các vấn đề được COA chỉ ra và tiếp tục cải thiện các quy trình, hệ thống quản lý của Bộ để tránh xảy ra các sai phạm tương tự tại Cơ quan này.

Ngay sau khi COA công bố kết quả kiểm toán, Hạ viện Philippines cho biết sẽ vào cuộc để điều tra làm rõ các sai phạm. Trước đó, Chủ tịch Ủy ban Hạ viện về Giáo dục cơ bản Sherwin Gatchalian và Liên minh các nhà giáo (ACT) đã lên tiếng kêu gọi cuộc điều tra này. Chủ tịch ACT Joselyn Martinez cho rằng, cần giải quyết hiệu quả vấn đề dai dẳng này tại Bộ Giáo dục và nhận định: “Những sai phạm này đã nhiều lần thu hút sự quan tâm của dư luận song chưa bao giờ được giải quyết triệt để. Giờ là lúc cần phải có một ai đó đứng ra chịu trách nhiệm giải trình”. ■

(Theo Brooklynagle và tổng hợp)

NEW ZEALAND:

Một số đơn vị cảnh sát lỏng lẻo trong quản lý vũ khí

Ngày 25/4, tại vùng đảo phía Nam New Zealand, 11 khẩu súng của Phòng Cảnh sát Bắc Palmerston thuộc thị trấn Palmerston - quận Waitaki, đã bị đánh cắp.

Vụ việc khiến Bộ Công an nước này đưa ra yêu cầu tất cả các cơ quan cảnh sát trên phạm vi toàn quốc phải tiến hành rà soát an ninh, đặc biệt trong bối cảnh trước đó vào ngày 15/3, hai vụ tấn công khủng bố liên tiếp đã xảy ra tại nhà thờ Hồi giáo ở TP. Christchurch khiến dân chúng vô cùng hoang mang, lo sợ.

Ngày 09/7, Bộ Công an đã công bố kết quả một cuộc kiểm toán sau khi xem xét tình hình

an ninh của các cơ quan cảnh sát trên toàn quốc. Cuộc kiểm toán cho biết, một số đơn vị cảnh sát không thể lưu trữ số lượng lớn súng lên đến hàng trăm khẩu súng, do điều kiện cơ sở vật chất không cho phép. Tình hình giám sát an ninh và lưu trữ vũ khí tại phần lớn các phòng, đồn cảnh sát khá tốt, tuy nhiên, một số đơn vị vẫn cần được cải thiện. Nhìn chung, nhân viên cảnh sát có trình độ cao, nhưng thái độ, cách thức làm việc của

một số cảnh sát chưa được sát sao, trách nhiệm. Đây chính là nguyên nhân gây ra những sự cố nghiêm trọng như trên.

Cuộc kiểm toán đã chỉ ra những vấn đề các cơ quan cảnh sát cần ưu tiên cải thiện ngay lập tức, bao gồm: thay đổi, sắp xếp lại các khu vực, phòng ban giữ vị trí trọng yếu, nơi lưu trữ vũ khí; nâng cấp hệ thống báo động, lắp đặt thêm hệ thống camera quan sát... Cuộc kiểm toán cũng nêu tên các cơ quan

cảnh sát cần cải thiện hệ thống giám sát an ninh hiện tại.

Đại diện lãnh đạo quận Waitaki cho biết, vụ đánh cắp trên là sai sót lớn của Phòng Cảnh sát Bắc Palmerston. Các cơ quan cảnh sát cần ý thức hơn nữa về trách nhiệm của mình đối với sự an toàn của mỗi người dân New Zealand.

Cuộc kiểm toán nội bộ của Phòng Cảnh sát Bắc Palmerston xác nhận rằng, 2 trong số 11 khẩu súng bị đánh cắp vẫn mất tích và

đang được cảnh sát tìm kiếm.

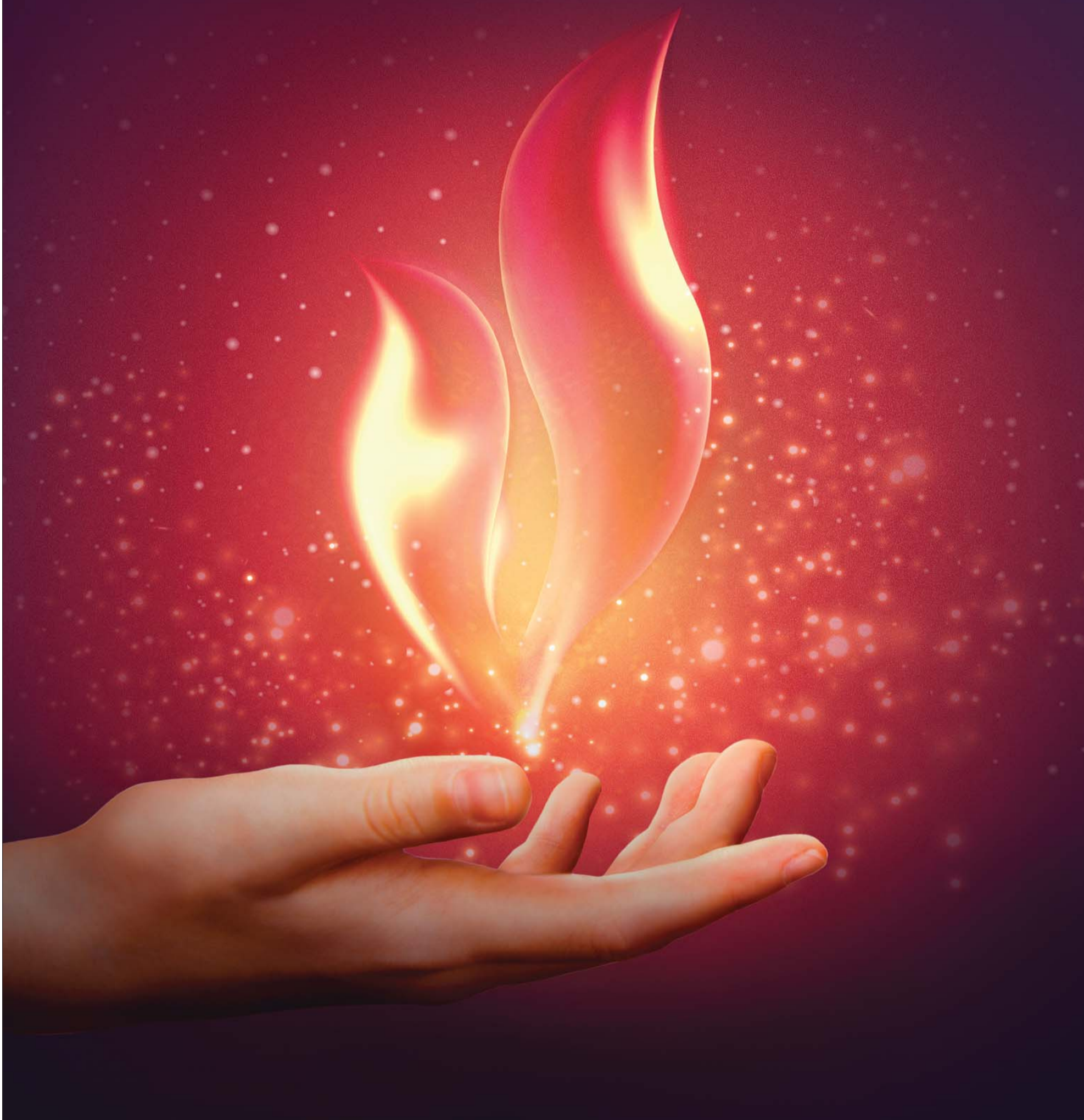
Sau khi vụ trộm trên diễn ra, các cơ quan cảnh sát cũng đã lên kế hoạch để củng cố hoạt động giám sát của đơn vị mình. Lực lượng Cảnh sát New Zealand hiện đang tiến hành một cuộc điều tra khác, tách biệt với cuộc kiểm toán, nhằm điều chỉnh công tác giám sát an ninh, lưu trữ vũ khí, đặc biệt là súng của tất cả các cơ quan cảnh sát trên toàn quốc. ■

(Theo Rnz.co.nz)

TUỆ LÂM



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiến, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3781 6777 | Fax: (84-28) 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: http://www.pvgas.com.vn

KIỂM TOÁN
KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Tổng biên tập: **ĐỖ HỒNG CÔNG**
Phó Tổng biên tập: **MAI HẢI ĐƯỜNG**

Trụ sở: 116 Nguyễn Chánh - Cầu Giấy - Hà Nội
Email: baokiemtoan@sav.gov.vn
Website: baokiemtoannhanuoc.vn, www.auditnews.vn
Điện thoại: (024) 6262 8616 Số máy lẻ: Phòng Trị sự: 1316, Phòng Báo điện tử: 1318
Phòng Thư ký toà soạn: 1303, Phòng Phát hành - Quảng cáo: 1312
Fax: (024) 6282 0708

Tài khoản: Báo Kiểm toán - 2601 0000 056239
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội
Giấy phép hoạt động báo chí in: Số 806/GP-BTTTT ngày 14/5/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông
Chế bản vi tính tại Tòa soạn
In tại Công ty TNHH MTV in Quân đội 1 **Giá: 5.800^d**

Những bất cập này được Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam chỉ rõ trong Báo cáo định kỳ 2 năm thực hiện Nghị quyết số 68/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về BHYT, tiến tới BHYT toàn dân (giai đoạn 2018-2019).

Cụ thể, theo BHXH Việt Nam, Luật BHYT quy định BHYT là hình thức bắt buộc đối với các đối tượng tham gia. Tuy nhiên, Luật chưa quy định chế tài cụ thể đối với một số nhóm đối tượng không tham gia BHYT (như: học sinh, sinh viên, hộ gia đình...) nên vẫn còn nhiều người chưa tự giác tham gia BHYT. Bên cạnh đó, Luật có điều chỉnh đến yếu tố nước ngoài, nhưng chưa quy định cụ thể đối tượng nào thuộc diện tham gia dẫn đến khó khăn trong tổ chức thực hiện. Nghị định số 146/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT (Nghị định 146) cũng chưa hướng dẫn cụ thể về việc tham gia BHYT của đối tượng này như: người nước ngoài di chuyển nội bộ sang làm nhà quản lý DN tại Việt Nam; đối tượng là người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam nhưng hưởng lương tại nước ngoài; người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam; trẻ em có mẹ là người Việt Nam nhưng quốc tịch nước ngoài chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng.

PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BẢO HIỂM Y TẾ:

Cần gỡ vướng từ cơ chế chính sách

□ THU NGUYỆT

Mặc dù tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế (BHYT) không ngừng gia tăng và đã vượt chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1167/QĐ-TTg. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu BHYT toàn dân, còn khá nhiều thách thức, đặc biệt, các văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, một số điểm còn mâu thuẫn là một trong những rào cản gây khó khăn trong tổ chức thực hiện chính sách BHYT.



Việc tổ chức thực hiện chính sách BHYT vẫn còn nhiều khó khăn
Ảnh: ĐĂNG KHOA

Cũng theo BHXH Việt Nam, hiện nay, việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xác định đối tượng tham gia của các địa phương chưa thống nhất, nhất là đối với các nhóm đối tượng người sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo, vùng bãi ngang ven biển, các xã thuộc vùng 30a... Điều này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đối tượng. Đặc biệt, BHXH Việt Nam đã chỉ ra nhiều vướng mắc trong thực

hiện các quy định về thu, đóng BHYT. Cụ thể, về tiền đóng của trẻ em dưới 6 tuổi, Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYTBTC (Thông tư 41) quy định: "Đối với trẻ em dưới 6 tuổi, thời hạn sử dụng ghi trên thẻ BHYT kể từ ngày sinh đến ngày trẻ đủ 72 tháng tuổi. Trường hợp trẻ đủ 72 tháng tuổi mà chưa đến kỳ nhập học thì thời hạn sử dụng ghi trên thẻ BHYT đến ngày 30 tháng 9 của năm đó". Nghị định 146 cũng quy

định rõ: "Số tiền đóng BHYT đối với trẻ em dưới 6 tuổi được tính từ ngày sinh đến ngày trẻ đủ 72 tháng tuổi". Tuy nhiên, ở một số địa phương, Sở Tài chính không đồng ý thanh toán số tiền đóng BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi từ ngày sinh đến ngày cơ quan có thẩm quyền lập danh sách, dẫn tới vướng mắc trong việc quyết toán số tiền truy thu BHYT cho thời gian từ ngày sinh tới ngày cơ quan BHXH nhận danh sách giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến 30/11/2018 (ngày Nghị định 146 có hiệu lực thi hành). Việc chuyển tiền BHYT do NSNN đóng, hỗ trợ đóng của cơ quan tài chính, lao động - thương binh và xã hội tại một số tỉnh, thành phố chưa đúng theo hướng dẫn tại Thông tư 41, dẫn đến chưa đóng kịp thời theo quy định.

Mặt khác, Nghị định 146 quy định đối tượng người tham gia kháng chiến và bảo vệ Tổ quốc thuộc nhóm đối tượng do NSNN đóng song lại không hướng dẫn về

phương thức đóng BHYT của đối tượng này, gây khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương, do không xác định kinh phí đóng BHYT của đối tượng này do ngành lao động - thương binh và xã hội quản lý từ nguồn ngân sách T.Ư hay do ngân sách địa phương đảm bảo. Tương tự, Nghị định 146 quy định người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng do NSNN đóng BHYT, nhưng cơ quan lao động - thương binh và xã hội không quản lý đối tượng này nên vướng mắc trong xác nhận đối tượng để ngân sách chuyên tiền đóng BHYT.

Để tháo gỡ những bất cập trên, đây nhanh lộ trình tiến tới BHYT toàn dân, BHXH Việt Nam đề xuất xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách tham gia BHYT đối với các đối tượng do NSNN đóng và hỗ trợ đóng ổn định giai đoạn 2019-2020; cấp ngân sách kịp thời, đầy đủ để đóng và hỗ trợ mức đóng BHYT cho đối tượng tham gia theo quy định.

BHXH Việt Nam cũng kiến nghị Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan ban hành văn bản giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật BHYT và các văn bản quy phạm pháp luật kèm theo mà Nghị định 146 chưa xử lý được; đồng thời, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các vướng mắc phát sinh trong Nghị định 146.■

Tăng cường công tác đốc thu, giảm nợ đọng bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam cho biết, tính đến ngày 31/7, tổng số thu BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của cả nước là 200.292 tỷ đồng, đạt 55,7% kế hoạch giao. Số người tham gia BHYT là 84,867 triệu người, đạt 99,7% kế hoạch giao, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 89,5% dân số; số người tham gia BHXH bắt buộc là 14,551 triệu người, đạt 95,1% kế hoạch giao, tăng 66.890 người so với tháng 6/2019; số người tham gia BHXH tự nguyện là 424.209 người, đạt 86,4% kế hoạch giao, tăng hơn 18.000 người so với tháng 6/2019...

Thông qua việc khai thác cơ sở dữ liệu do cơ quan thuế cung cấp, chi tính riêng trong tháng 7/2019, cơ quan BHXH các địa phương đã khai thác thêm được 2.712 đơn vị với 17.144 lao động tham gia BHXH, đến nay, có 48.887 đơn vị với 518.093 lao động tham gia BHXH bắt buộc. Tuy nhiên, tổng số nợ BHXH, BHYT, BHTN còn cao; trong đó, số tiền nợ phải tính lãi là 6.803 tỷ đồng, chiếm 1,79% số phải thu.

Như tại tỉnh Gia Lai, những tháng đầu năm 2019, đối tượng tham gia BHXH bắt buộc trên địa bàn tỉnh giảm, do kinh tế chủ yếu phụ thuộc vào nông nghiệp, khai thác thủy điện và lĩnh vực này đang gặp nhiều khó khăn. Dù tích cực khai thác dữ liệu từ cơ quan thuế chuyển sang nhưng trong 7 tháng, BHXH tỉnh chỉ khai thác được 9.500 người, số lao động giảm 12.000 người so với cuối năm 2018. Bên cạnh đó, số nợ BHXH phải tính lãi khoảng dưới 2%, trong đó, nợ ngân sách chiếm 70%.

Trường ban Thu (BHXH Việt Nam) Dương Văn Hào cho hay, nhiệm vụ công tác thu 5 tháng cuối năm rất nặng nề, nhất là trong phát triển đối tượng, giảm nợ BHXH. Theo kế hoạch 5 tháng cuối năm, toàn Ngành phải có 752.000 người tham gia BHXH bắt buộc, 66.000 người tham gia BHXH tự nguyện và 562.473 người tham gia BHYT mới hoàn thành chỉ tiêu. Vì vậy, BHXH các địa phương cần tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các

sở, ban, ngành liên quan để cùng nhau tháo gỡ khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ, đặc biệt tăng cường đốc thu, giảm nợ đọng những tháng cuối năm 2019.

Để đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong thời gian tới, tại Hội nghị trực tuyến về công tác thu BHXH, BHYT tháng 8, diễn ra mới đây, Phó Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam Trần Đình Liệu yêu cầu, BHXH các tỉnh, thành phố cần tăng tốc, triển khai quyết liệt các giải pháp tăng thu, giảm nợ BHXH, BHYT và BHTN, đặc biệt là đẩy nhanh tiến độ phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN. Trong đó, các địa phương cần chú trọng BHXH bắt buộc, tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc tại các DN, rà soát, khai thác triệt để cơ sở dữ liệu do cơ quan thuế cung cấp; tiếp tục đẩy mạnh thanh tra chuyên ngành phục vụ phát triển đối tượng và giảm nợ, tập trung thanh tra đột xuất đối với các đơn vị nợ, đơn vị chưa tham gia BHXH... phân đầu trung bình mỗi tháng giảm 0,5% nợ đọng xác định theo số thu.

Hàng tháng, BHXH các tỉnh, huyện bám sát các đơn vị sử dụng lao động, cơ quan quản lý đối tượng tham gia BHYT, cơ quan tài chính để đôn đốc, phân đầu thu đủ số tiền phát sinh phải thu trong tháng và số tiền còn phải thu của những tháng trước theo Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN. Giám đốc BHXH tỉnh giao chỉ tiêu cụ thể và đánh giá kết quả công tác đối với từng cán bộ thu trong việc rà soát dữ liệu thuế, phát triển người tham gia BHXH bắt buộc; đôn đốc thu, giảm nợ - Phó Tổng Giám đốc Trần Đình Liệu yêu cầu.

Về phát triển BHXH tự nguyện, BHXH các địa phương phải chủ động, tích cực rà soát, mở hội nghị phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, không dừng lại khi đã đạt và vượt chỉ tiêu; nghiên cứu, tiếp tục giao thêm chỉ tiêu phù hợp với địa phương. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ rà soát dữ liệu hộ gia đình và cấp mã số BHXH, kịp thời khen thưởng các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ.■

BẢO TRẦN

Hà Nội: Thu hồi 243 tỷ đồng qua thanh tra, kiểm tra

Bảo hiểm xã hội (BHXH) TP. Hà Nội cho biết, tính đến hết tháng 7/2019, số người tham gia BHXH bắt buộc trên địa bàn Thành phố hơn 1,6 triệu người; số người tham gia BHYT hơn 6,7 triệu người, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 87,2%; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt hơn 1,5 triệu người, đạt 93,7% kế hoạch. Đặc biệt, số người tham gia BHXH tự nguyện toàn Thành phố là 26.071 người, tăng 1.126 người so với tháng 6/2019, đạt 65,4% kế hoạch.

Bên cạnh đó, với các biện pháp quyết liệt, đồng bộ trong công tác thanh tra, kiểm tra, tính đến hết tháng 7/2019, BHXH Thành phố đã thực hiện thanh tra, kiểm tra tại 2.577 đơn vị sử dụng lao động với số tiền nợ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp là 458 tỷ đồng, thu hồi được 243 tỷ đồng (đạt 53,1%).■

KIM AN

Quảng Trị: Tăng cường thực hiện chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên

Với mục tiêu phấn đấu đạt tỷ lệ 100% học sinh, sinh viên (HSSV) tham gia BHYT trong năm học 2019-2020, UBND tỉnh Quảng Trị vừa có Văn bản giao Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách BHYT nói chung và BHYT HSSV nói riêng vào thời điểm bước vào năm học mới; tổ chức tổng kết, đánh giá công tác BHYT HSSV năm học 2018-2019 và triển khai công tác BHYT HSSV năm học 2019-2020.

BHXH tỉnh tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHYT đến phụ huynh HSSV và các trường học; phối hợp với ngành y tế, các cơ sở khám, chữa bệnh BHYT đảm bảo quyền lợi cho HSSV khi đi khám, chữa bệnh BHYT; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả công tác BHYT nói chung và BHYT HSSV trên địa bàn tỉnh nói riêng.■

GIA HUỠ

Tuyển sinh đào tạo 22 nghề theo tiêu chuẩn của Đức

Mới đây, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (GDNN), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có thông báo tuyển sinh để đào tạo thí điểm 22 nghề chất lượng cao cấp độ quốc tế theo chương trình chuyên giao từ Đức. Đây là hoạt động nhằm triển khai chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Chuyên giao các bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế” giai đoạn 2012-2015. Đồng thời, chương trình nhằm thực hiện Kế hoạch và Quy định để tổ chức đào tạo thí điểm trình độ cao đẳng cho 22 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế đã được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Theo Tổng cục GDNN, số lượng tuyển là 1.056 sinh viên, tổ chức thành 66 lớp tại 45 trường cho 22 nghề. Hình thức tuyển sinh gồm: xét tuyển hoặc thi tuyển. Thí sinh dự tuyển phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định chung đối với người tham gia học nghề trình độ cao đẳng, đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, có hạnh kiểm từ khá trở lên, ưu tiên lựa chọn những học sinh có kết quả học tập của năm lớp 12 từ khá trở lên; ưu tiên những thí sinh có trình độ ngoại ngữ hoặc thuộc diện chính sách.

Các nghề đào tạo gồm có: Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí, Chế biến và bảo quản thủy sản, Chế tạo thiết bị cơ khí, Công nghệ chế tạo vỏ tàu thủy, Cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điều khiển

Lợi ích “kép” từ chương trình đào tạo nghề chất lượng cao

□ HẢI ĐĂNG

Tham gia chương trình đào tạo nghề chất lượng cao, cấp độ quốc tế theo chương trình chuyên giao từ nước Đức, người học được tiếp cận chương trình giáo dục tiên tiến trên thế giới, được nhận đồng thời 2 bằng (trong nước và quốc tế) cũng như có cơ hội việc làm hấp dẫn tại DN sau tốt nghiệp.



Hoàn thành tốt chương trình đào tạo nghề chuyên giao từ Đức, học viên sẽ được cấp 2 bằng

Ảnh: XUÂN HÙNG

tàu biển, Gia công và thiết kế sản phẩm mộc, Hàn, Khai thác máy tàu thủy, Kỹ thuật chế biến món ăn, Lắp đặt thiết bị cơ khí, Quản trị khách sạn, Quản trị lễ tân, Sửa chữa máy tàu thủy, Vận hành máy thi công nền, Thiết kế thời trang, Vận hành thiết bị chế biến dầu khí, Điện tàu thủy, Kỹ thuật xây dựng, Vận hành máy thi công mặt đường. Thời gian khóa học là từ 3 - 3,5 năm, tùy theo từng nghề.

Hiện, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã lựa chọn được các trường cao đẳng phù hợp để tổ chức đào tạo thí điểm theo mô hình đào tạo của Đức bắt đầu từ

năm 2019, dự kiến kết thúc vào năm 2022.

Chương trình đào tạo theo mô hình của Đức ưu việt ra sao?

Đây là lần đầu tiên, Tổng cục GDNN tổ chức thí điểm chương trình đào tạo nghề của Đức. Sức hút từ chương trình đào tạo này được cho là rất lớn.

Theo TS. Vũ Xuân Hùng - Vụ trưởng Vụ Đào tạo chính quy (Tổng cục GDNN), từ năm 2017, Tổng cục GDNN nhận chuyên giao công nghệ tổ chức đào tạo được thực hiện trong suốt quá trình tổ chức đào tạo tại các lớp thí điểm dưới sự hướng dẫn, điều chỉnh cũng

đồng bộ, trọn gói, bao gồm 5 cấu phần: tiêu chuẩn năng lực cho các trình độ đào tạo; chương trình đào tạo trình độ cao đẳng; tài liệu học tập/giảng dạy (giáo trình); công cụ (tài liệu) đánh giá kết quả học tập; danh mục máy móc, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo.

Cùng với bộ chương trình nêu trên, một cấu phần quan trọng, quyết định đến thành công của quá trình chuyên giao là công nghệ tổ chức đào tạo. Việc chuyên giao công nghệ tổ chức đào tạo được thực hiện trong suốt quá trình tổ chức đào tạo tại các lớp thí điểm dưới sự hướng dẫn, điều chỉnh cũng

như sự giám sát, kiểm tra, đánh giá chặt chẽ của các chuyên gia, cố vấn nghề của nước chuyên giao.

Đáng chú ý, việc giảng dạy được thực hiện theo mô hình đào tạo nghề “kép” của Đức. Mô hình đào tạo này đòi hỏi có sự gắn kết chặt chẽ với DN; sinh viên được bố trí nhiều thời gian học, thực hành, thực tập tại các DN lớn của Việt Nam hoặc DN nước ngoài. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để sinh viên làm quen với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN; từ đó tạo cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp tại DN lớn hoặc làm việc tại nước ngoài.

Các chương trình đào tạo theo các bộ chương trình chuyên giao từ Đức được tổ chức đào tạo tại các trường cao đẳng của Việt Nam do giáo viên được đào tạo tại Đức giảng dạy, cùng với sự hỗ trợ từ phía chuyên gia của nước chuyên giao chương trình trong suốt quá trình tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và cấp bằng tốt nghiệp.

Đáng chú ý, theo TS. Vũ Xuân Hùng, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên tốt nghiệp được cấp 2 bằng: 1 bằng tốt nghiệp cao đẳng của Việt Nam do trường tổ chức đào tạo cấp; 1 bằng tốt nghiệp của Đức (tương đương với trình độ Bậc 4 theo Khung trình độ Quốc gia Đức) sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên giao từ Đức còn được ưu tiên học liên thông lên trình độ đại học tại các trường đại học của Đức. ■

Tỷ lệ lao động nông nghiệp sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ, thu nhập được nâng cao đạt trên 90%. Đây là kết quả tích cực của Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (Đề án 1956) được thông tin tại Hội thảo “Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn” diễn ra mới đây, tại Hà Nội.

Báo cáo tại Hội thảo cho biết, thực hiện Đề án 1956, từ năm 2010 đến nay, các địa phương trên cả nước đã tổ chức cho trên 2,3 triệu lao động nông thôn được học nghề nông nghiệp (giai đoạn 2016-2019 đã đào tạo 1,15 - 1,4 triệu lao động, đạt 82% so với mục tiêu; đến năm 2020 sẽ hoàn thành đào tạo 250.000 lao động còn lại).

Việc làm này cơ bản đảm bảo mục tiêu về số lượng lao động được đào tạo nghề theo Đề án 1956, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo tại các địa phương. Cụ thể, tại thời điểm năm 2018, một số địa phương có tỷ lệ lao động qua đào tạo khá cao như: Hậu Giang 64%, Phú Yên 60%...

Đáng chú ý, tỷ lệ lao động sau học nghề có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nâng cao thu nhập đạt trên 90%. Nông dân sau khi học nghề nông nghiệp đã áp dụng được kỹ năng mới vào sản xuất. Nhiều lao động sau học nghề đã mạnh dạn chuyển đổi cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, đem

Hiệu quả trong đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn



Một lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở xã Xuân La, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Ảnh: DUƠNG HIẾU

lại thu nhập gấp 3 - 4 lần trước đây. Giá trị sản xuất tăng từ 83 triệu đồng/ha (năm 2015) lên hơn 90 triệu đồng/ha (năm 2018). Năng suất lao động tăng 3,5 - 4%/năm. Tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm tăng từ 80% (năm 2015) lên đến 90% (năm 2018).

Tuy nhiên, trước diễn biến mới của tình hình trong nước, quốc tế như ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, biến đổi khí

hậu..., các chuyên gia cho rằng, đào tạo nghề nông nghiệp cũng đứng trước nhiều thách thức và cần phải có sự thay đổi cho phù hợp.

Theo đó, nhiều ý kiến cho rằng, công tác đào tạo nghề cần phải đa dạng, đa hình thức, gắn với nhu cầu thực tế của các DN. Các địa phương cần phối hợp với các trường đào tạo thực hiện định hướng theo tỷ lệ 50% đào tạo cho lao động làm trong vùng nguyên liệu của

Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực của Đề án. Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một trong tám hoạt động của Đề án. ■

các DN, 20% đào tạo cho lao động trong các hợp tác xã và trang trại, 30% đào tạo cho an sinh xã hội nông thôn. Đồng thời, đẩy mạnh công tác truyền thông để thu hút DN, giới trẻ về đào tạo lao động nông thôn.

Ngoài ra, cần củng cố, nâng cao vai trò, trách nhiệm và hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề; đẩy mạnh phân cấp, giúp cho các địa phương chủ động trong xây dựng kế hoạch, đánh giá nhu cầu học nghề ở địa phương và tổ chức các khóa đào tạo tại chỗ; đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên cơ sở phát huy vai trò của DN, hợp tác xã, hiệp hội ngành nghề nông thôn trong việc tham gia vào quá trình đào tạo, từ xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo nghề, biên soạn giáo trình, triển khai đào tạo đến tiếp nhận học viên sau đào tạo... ■ T.TÂM